



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 02/2026

Từ 12/01 - 16/01/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

NGÀY 24/11 HÀNG NĂM LÀ “NGÀY VĂN HÓA VIỆT NAM”, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC NGHỈ, HƯỞNG NGUYÊN LƯƠNG

Ngày 07/01/2026, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam đã thống nhất chọn ngày 24/11 hằng năm là “Ngày Văn hóa Việt Nam”, với chủ trương là ngày nghỉ, người lao động được hưởng nguyên lương, để Nhân dân được nâng cao khả năng thụ hưởng văn hóa, đội ngũ văn nghệ sĩ được động viên sáng tạo, toàn xã hội đề cao, thực hành lối sống văn hóa, văn minh.



Ảnh: Tổng Bí thư Tô Lâm

Nghị quyết xác định quan điểm:

Phát triển văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước;

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới và xây dựng con người để phát triển văn hóa;

Phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa, doanh nhân đóng vai trò quan trọng, đồng thời đề cao tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên;

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển bền vững đất nước, cho tương lai của dân tộc; Phát huy tối đa giá trị và sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho văn hóa và tăng dần theo yêu cầu thực tiễn

Nghị quyết cũng xác định 7 chỉ tiêu chính phát triển văn hóa Việt Nam là:

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá quốc gia, bảo đảm 100% chính quyền địa phương 2 cấp, lực lượng vũ trang có thiết chế văn hóa đáp ứng được nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hóa của người dân ở cơ sở và cán bộ, chiến sĩ, 90% thiết chế văn hoá cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Phấn đấu hoàn thành việc số hóa 100% các di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2026.

- 100% học sinh, học viên, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân được tiếp cận, tham gia hiệu quả, thường xuyên các hoạt động nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa.

- Bảo đảm nguồn lực tương xứng cho phát triển văn hóa; bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho văn hóa và tăng dần theo yêu cầu thực tiễn.

- Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hóa, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Thực hiện chủ trương xã hội hoá văn hoá đúng hướng, hiệu quả; đấu tranh khắc phục khuynh hướng “thương mại hoá”, chỉ coi trọng, đề cao một chiều lợi ích kinh tế trong hoạt động văn hoá, coi nhẹ lợi ích xã hội, nhân văn.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hoá đóng góp 7% GDP; hình thành từ 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hoá trong các lĩnh vực có tiềm năng, như: Điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hoá, thiết kế và thời trang,...

- Xây dựng thành công 5 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá quốc tế về điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật. Thành lập thêm từ 1 - 3 trung tâm văn hoá Việt Nam tại nước ngoài, ưu tiên các địa bàn đối tác chiến lược toàn diện. Phấn đấu thêm 5 di sản văn hoá được UNESCO công nhận, ghi danh.

08 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm Nghị quyết đặt ra

1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển văn hoá trong kỷ nguyên mới;

2. Hoàn thiện thể chế tạo đột phá chiến lược, khơi thông nguồn lực phát triển văn hoá;

3. Chú trọng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại;

4. Đổi mới phương thức quản lý văn hoá theo hướng kiến tạo, phục vụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hoá;

5. Xây dựng hệ sinh thái văn hoá, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là động lực, người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm; nhận diện và ứng xử thích hợp tài nguyên văn hoá;

6. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, thị trường văn hoá, định vị sản phẩm văn hoá thương hiệu quốc gia gắn với phát triển du lịch văn hoá;

7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hoá đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới;

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá, phát huy giá trị văn hoá Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, góp phần gia tăng sức mạnh mềm quốc gia.

Đáng chú ý, Nghị quyết cũng thống nhất chọn ngày 24/11 hằng năm là “Ngày Văn hóa Việt Nam”, với chủ trương là ngày nghỉ, người lao động được hưởng nguyên lương, để Nhân dân được nâng cao khả năng thụ hưởng văn hóa, đội ngũ văn nghệ sĩ được động viên sáng tạo, toàn xã hội đề cao, thực hành lối sống văn hóa, văn minh.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH: PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU, KINH TẾ DỮ LIỆU VỚI NHỮNG ĐỘT PHÁ VÀ CẢI CÁCH MẠNH MẼ, TOÀN DIỆN HƠN

Ngày 12/01/2026, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu, chủ trì phiên họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo.

Tại phiên họp, Ban Chỉ đạo cho ý kiến về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo; Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo; một số vấn đề trọng tâm trong triển khai công tác trên lĩnh vực dữ liệu; chia sẻ các xu hướng phát triển dữ liệu trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm mang tính bứt phá thời gian tới.

Phát biểu tại Phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh đây là phiên họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo nhằm thống nhất nhận thức, tầm nhìn và các nội dung hành động cụ thể, hướng tới xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính khẳng định, trí tuệ thông minh phải được xây dựng trên nền tảng dữ liệu; không có dữ liệu thì không thể có trí tuệ thông minh, song nếu dữ liệu không được kết nối, chia sẻ hiệu quả thì cũng không phát huy được giá trị. Do đó, các bộ, ngành, địa phương và mỗi cá nhân đều phải chủ động xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, Đảng, Nhà nước và Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên trong thời gian tới, đòi hỏi phải nhanh chóng khơi thông và khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và kinh tế dữ liệu. Đây cũng là lĩnh vực được Bộ Chính trị và Tổng Bí thư đặc biệt quan tâm, coi là yếu tố then chốt cho phát triển nhanh và bền vững.

Dữ liệu là “tư liệu sản xuất mới”, là tài nguyên chiến lược

Nhấn mạnh một số nội dung trọng tâm, phân tích về cơ sở chính trị, pháp lý, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đã nhất quán xác định tầm nhìn chiến lược về phát triển dữ liệu. Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Luật Dữ liệu khẳng định dữ liệu là “tư liệu sản xuất mới”, là tài nguyên chiến lược cần huy động nguồn lực để làm giàu thành tài sản.

Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng, luật của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành đồng bộ các văn bản (Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, Nghị quyết 175/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP); tập trung xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia hiện đại; khung kiến trúc dữ liệu quốc gia thống nhất; thúc đẩy tạo lập dữ liệu, quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu thống nhất trong toàn hệ thống chính trị để hình thành nền tảng dữ liệu quốc gia hiện đại, tin cậy, hiệu quả; phấn đấu đến năm 2030 thay thế trên 90% hoạt động hành chính bằng xử lý dữ liệu số.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban chỉ đạo khái quát những kết quả đạt được trong phát triển dữ liệu thời gian qua.

Thứ nhất, công tác chỉ đạo, điều hành được triển khai quyết liệt, toàn diện, thể hiện quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động kịp thời với tinh thần “thống nhất - thông suốt - đồng bộ - toàn diện - hiệu quả”. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu và kiện toàn Ban Chỉ đạo. Đã có 14 tỉnh, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về dữ liệu. Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ quan trọng về dữ liệu, cơ sở dữ liệu (như xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1; triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; hình thành sản phẩm dữ liệu...)

Thứ hai, công tác hoàn thiện thể chế được triển khai quyết liệt, góp phần tích cực tháo gỡ “điểm nghẽn” để khơi thông nguồn lực cho phát triển dữ liệu. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 28 dự án luật để tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06, trong đó có 10 luật trực tiếp liên quan đến dữ liệu, ban hành 20 Nghị định quy định chi tiết thi hành các luật liên quan đến dữ liệu.

Thứ ba, triển khai, xây dựng, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân, doanh nghiệp, tăng cường quản lý xã hội và phục vụ phát triển kinh tế xã hội (quản lý hơn 107 triệu thông tin công dân, cung cấp 50 tiện ích trên nền tảng VNeID; sử dụng nền tảng VNeID thay thế giấy tờ giúp cắt giảm 30-50% chi phí tuân thủ).

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quản lý hơn 2 triệu dữ liệu về doanh nghiệp (trong đó có hơn 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động); tích hợp, đồng bộ, chia sẻ thông tin về đăng ký doanh nghiệp cho 11 bộ, ngành và 34 tỉnh, thành phố.

Đến nay, 34/34 tỉnh, thành phố với 3.289/3.321 xã, phường (đạt trên 99%) đã đồng bộ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tại Trung ương (tổng số thửa đất đã đồng bộ là trên 61 triệu, trong đó trên 42 triệu thửa đất đã làm sạch thông tin về chủ sử dụng đất).

Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính, đã tích hợp thành công 08 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tạo nền tảng dữ liệu lớn thống nhất phục vụ công tác của ngành tài chính (về thuế, năm 2025, sử dụng dữ liệu lớn đã xử lý 8,5 tỷ hóa đơn điện tử, tăng 3,4 lần so với năm 2022).

Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm: Đã xác thực hơn 100,2 triệu thông tin công dân; triển khai sổ sức khỏe điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám trên nền tảng VNeID với hơn 190 triệu lượt hồ sơ được tích hợp thành công.

Cơ sở dữ liệu ngành ngân hàng, quản lý hơn 22 triệu dữ liệu về thông tin tín dụng cá nhân, sử dụng dữ liệu lớn để phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt với hơn 20 tỷ giao dịch/năm.

Thứ tư, hạ tầng dữ liệu từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả hơn. Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 đã đi vào hoạt động, là trung tâm dữ liệu đầu tiên của Đông Nam Á đạt cấp độ cao nhất về khả năng hoạt động liên tục. Cả nước hiện có gần 40 trung tâm dữ liệu đang hoạt động; đang nghiên cứu xây dựng Siêu trung tâm dữ liệu AI.

Thứ năm, an ninh dữ liệu, an ninh, an toàn thông tin được đẩy mạnh. Nhận thức của người dân, doanh nghiệp được cải thiện. Công tác kiểm tra, giám sát an ninh mạng, phòng chống tội phạm mạng được tăng cường (tỷ lệ tội phạm mạng giảm 59%, xử lý 17 triệu SIM không chính xác, triển khai camera AI trong giao thông).

Thứ sáu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế được quan tâm triển khai (60 cơ sở đào tạo về dữ liệu, mỗi năm đào tạo khoảng 6.000 sinh viên chuyên ngành khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; mạng lưới chuyên gia dữ liệu toàn cầu được thành lập, thu hút nhiều chuyên gia dữ liệu người Việt Nam ở nước ngoài).

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ rõ những tồn tại, hạn chế như còn thiếu cơ sở pháp lý cho việc phát triển sản phẩm, dịch vụ dữ liệu cốt lõi; dữ liệu còn phân tán, phân mảnh, chất lượng chưa đồng đều, chuẩn hóa còn chậm, chia sẻ, liên thông chưa thông suốt; tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn chậm; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số còn chậm, tiến độ số hóa, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính chưa có nhiều chuyển biến, tỷ lệ cung cấp dịch vụ công toàn trình còn thấp.

Cùng với đó, hạ tầng dữ liệu còn thiếu, yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; an ninh mạng, an toàn thông tin ở nhiều nơi còn chưa được quan tâm đúng mức và triển khai thiếu quyết liệt dẫn tới nguy cơ lộ lọt thông tin, mất an toàn hệ thống; lừa đảo trực tuyến, tấn công mạng, lộ lọt thông tin cá nhân vẫn còn diễn biến phức tạp.

Đăng ký nhu cầu vốn triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu còn chậm, thủ tục không đồng bộ. Nhân lực về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu, thiếu hụt các vị trí then chốt như tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng.

Theo Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế là nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của dữ liệu còn chưa đầy đủ, tổ chức triển khai thực hiện còn yếu, chưa phát huy được vai trò người đứng đầu; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát; sự phối hợp trong kết nối, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế, thiếu hợp tác, còn tình trạng “cát cứ” dữ liệu; phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu là nhiệm vụ mới, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi chuyên môn sâu, cần có thời gian để nghiên cứu, học hỏi, đầu tư... Thiếu quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ, nhiều bộ, ngành, địa phương vẫn áp dụng quy trình thu thập dữ liệu thủ công, chưa tự động hóa...

9 nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới

Nhấn mạnh, cần phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu với những đột phá và cải cách mạnh mẽ, toàn diện hơn nữa để Việt Nam bắt kịp, tiến cùng và vươn lên trên các lĩnh vực, là động lực quan trọng góp phần tăng trưởng 2 con số thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ 5 đột phá chiến lược về dữ liệu số: (1) Đột phá về thể chế dữ liệu; (2) Đột phá về hạ tầng dữ liệu gắn với trí tuệ nhân tạo tự chủ; (3) Đột phá về nhân lực dữ liệu; (4) Đột phá về phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; (5) Đột phá về phát triển hệ sinh thái dữ liệu và kinh tế dữ liệu.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng chỉ rõ các phương châm quan trọng: (1) Quyết liệt trong hành động; (2) Kết quả là thước đo; (3) Đồng bộ trong triển khai; (4) Dữ liệu là tài sản; (5) Hạ tầng dữ liệu là nền tảng; (6) Kinh tế dữ liệu là mũi nhọn; (7) An ninh dữ liệu là trọng yếu; (8) Người dân, doanh nghiệp là trung tâm.

Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới.

Thứ nhất, triển khai hiệu quả các hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu. Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia, hoàn thành trong tháng 01/2026. Các bộ, ngành, địa phương thành lập Ban chỉ đạo về dữ liệu hoặc hợp nhất vào Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đột phá phát triển về dữ liệu, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng và ban hành quy định của Luật Dữ liệu và văn bản hướng dẫn như kiến trúc dữ liệu, từ điển dữ liệu, danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ...

Bộ Công an nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế đột phá phát triển của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong Quý I/2026; Cơ chế về tổ chức, hoạt động của Sàn dữ liệu, hoàn thành trong Quý II/2026; cơ chế, chính sách phát triển kinh tế dữ liệu, hoàn thành trong quý II/2026.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an xây dựng khung pháp lý về định giá dữ liệu, phí, giá khai thác dữ liệu từ Trung tâm dữ liệu quốc gia, chính sách ưu đãi thuế, vốn cho doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới dữ liệu, hoàn thành trong quý II/2026. Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn về dữ liệu.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển hạ tầng dữ liệu, nền tảng quốc gia, Thủ tướng chỉ đạo Bộ Công an khẩn trương hoàn thành và đưa vào vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1, đề xuất xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2 và 3. Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương đăng ký, xây dựng lộ trình, phương án chuyển dịch hạ tầng dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong quý I/2026. Đẩy mạnh nghiên cứu làm chủ và tổ chức triển khai các công nghệ dữ liệu cốt lõi như điện toán đám mây, chuỗi khối, sàn dữ liệu, mô hình ngôn ngữ lớn gắn với trí tuệ nhân tạo tự chủ. Thu hút, huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân và FDI để xây dựng, hình thành các Trung tâm dữ liệu và siêu Trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế.

Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu quan trọng cần phải làm ngay. Bộ trưởng, Trưởng ngành trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ sở dữ liệu phải bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; đẩy mạnh tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu. Các bộ, ngành quyết liệt tổ chức thực hiện, đăng ký kinh phí.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ chủ trì cần phải đẩy nhanh tiến độ cập nhật dữ liệu, làm sạch, đối soát 100% dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành trong quý I/2026.

Cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội do Bộ Nội vụ chủ trì, Thủ tướng yêu cầu đẩy mạnh triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu thành phần còn lại, nâng cấp, tích hợp dữ liệu về Trung ương để chính thức đi vào hoạt động.

Cơ sở dữ liệu thanh tra kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức do Thanh tra Chính phủ chủ trì, cần sớm khắc phục các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục chính, đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu trên toàn quốc, tạo nền tảng quan trọng trong phòng chống tham nhũng. Hoàn thành trong quý II/2026.

Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính do Bộ Công an chủ trì cần đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo Nghị quyết số 66.9/2025/NQ-CP ngày 08/12/2025, đẩy nhanh công tác tổ chức triển khai thực hiện; hoàn thành trong quý II/2026.

Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì cần đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các cơ sở dữ liệu thành phần như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, tài nguyên nước và môi trường, đẩy mạnh cập nhật dữ liệu về Trung ương, hoàn thành trong quý II/2026.

Cơ sở dữ liệu ngành y tế do Bộ Y tế chủ trì cần sớm hoàn thành các hạng mục cơ sở dữ liệu thành phần, thông tin dữ liệu y tế phải có độ chính xác cao, tin cậy, theo thời gian thực; liên thông thông tin nhân lực y tế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành trong quý II/2026.

Thứ năm, đẩy mạnh kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu và nền kinh tế dữ liệu. Yêu cầu trong xây dựng cơ sở dữ liệu phải gắn với cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số; chuẩn hóa dữ liệu, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu; yêu cầu các bộ, ngành và địa phương sớm triển khai xây dựng kiến trúc dữ liệu, hoàn thành trong quý I/2026.

Thứ sáu, bảo đảm an ninh và chủ quyền dữ liệu quốc gia: Bộ Công an khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ dữ liệu. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm, bảo đảm an toàn, ổn định các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng quốc gia.

Thứ bảy, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển nền kinh tế dữ liệu: Đẩy mạnh đào tạo nhân lực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; tăng cường gắn kết 3 nhà; hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ làm công tác dữ liệu, nhất là vị trí then chốt, có chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài; mở rộng đào tạo ở nước ngoài, cấp chứng chỉ quốc tế, tăng cường hợp tác với các tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu hàng đầu để phát triển nhân lực dữ liệu trình độ cao.

Thứ tám, bố trí đủ kinh phí từ nguồn chi đầu tư, chi thường xuyên cho phát triển các trung tâm dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu, tạo lập, thu thập, số hóa, làm sạch dữ liệu, đào tạo nhân lực...

Thứ chín, Bộ Tư pháp kiểm soát bộ thủ tục hành chính thống nhất, dùng chung nhưng có đặc thù.

Với những nỗ lực, quyết tâm và sự chủ động, sáng tạo của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, người dân và những kết quả rất tích cực đã đạt được thời gian qua, Thủ tướng tin tưởng rằng phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu sẽ tiếp tục có những chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện và bền vững, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống ấm no, hạnh phúc của Nhân dân, xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HƯỚNG DẪN MỚI VỀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC TUYỂN DỤNG VÀO CÔNG CHỨC

Ngày 09/01/2026, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư 01/2026/TT-BNV hướng dẫn xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/3/2026.

Theo đó, Thông tư số 01/2026/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định rõ, việc xếp lương phải căn cứ vào thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm.

Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng thì không được tính để làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng.

Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xác định thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật làm công việc tương ứng với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm tuyển dụng để xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức.

Xếp lương đối với người đã hưởng theo bảng lương chuyên môn

Đối với người được tuyển dụng vào công chức đã xếp lương theo các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, việc xếp lương được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm quyền lợi, hạn chế xáo trộn.

Cụ thể, trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp ngạch có cùng hệ số bậc lương đã hưởng thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) sang hệ số bậc lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng.

Đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp ngạch có hệ số bậc lương khác với hệ số bậc lương đã hưởng, quy định như sau:

Trường hợp chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, căn cứ vào hệ số lương đã hưởng để xếp vào hệ số lương gần nhất (cao hơn hoặc thấp hơn) ở ngạch công chức được xếp.

Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính như sau:

Đối với trường hợp xếp vào hệ số lương cao hơn gần nhất: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương mới được xếp so với hệ số lương đã hưởng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở ngạch cũ thì được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở ngạch cũ thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

Đối với trường hợp xếp vào hệ số lương thấp hơn gần nhất: Được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

Trường hợp đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng để xếp vào hệ số lương gần nhất (cao hơn hoặc thấp hơn) ở ngạch được xếp.

Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính như quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp có hệ số lương đã hưởng hoặc có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đã hưởng lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng trong ngạch được xếp thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng trong ngạch được xếp và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương hoặc tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đã hưởng.

Thời gian hưởng lương mới (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng.

Hệ số chênh lệch bảo lưu (tính tròn số sau dấu phẩy 02 số) được hưởng trong suốt thời gian xếp ngạch công chức.

Sau đó, nếu công chức tiếp tục được thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương đang hưởng để xếp lương vào ngạch công chức theo vị trí việc làm mới đó và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày được xếp lương ở ngạch công chức theo vị trí việc làm mới đó.

Xếp lương đối với người hưởng lương theo cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm thuộc lực lượng vũ trang

Sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang xếp lương cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm và người làm công tác cơ yếu xếp lương cấp hàm cơ yếu hoặc quân nhân chuyên nghiệp, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an và người làm công tác cơ yếu xếp lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu khi được tuyển dụng vào làm công chức thì việc xếp lương vào ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6, khoản 7 Mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước.

Xếp lương đối với người chưa hưởng bảng lương do nhà nước quy định

Trường hợp có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này thì việc xếp lương ở ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm được tuyển dụng theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

Trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương có yêu cầu về thời gian kinh nghiệm công tác

Căn cứ vào tổng thời gian công tác được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, sau khi trừ số thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tương ứng với số thời gian kinh nghiệm công

tác theo quy định của vị trí việc làm tuyển dụng, thời gian còn lại làm căn cứ để xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng như sau:

Tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) được xếp lên 1 bậc lương. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên

Căn cứ vào tổng thời gian công tác được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương hoặc sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch nhân viên được xếp lên 1 bậc lương.

Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch nhân viên) thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Phương Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin

HOÀN THIỆN THẺ CHẾ Y TẾ: DẤU ẤN NĂM 2025 VỚI 4 VĂN BẢN QUAN TRỌNG

Ngày 08/01/2026, Bộ Y tế tổ chức hội nghị tổng kết công tác xây dựng pháp luật và nghị quyết của Quốc hội thuộc lĩnh vực y tế năm 2025.

4 văn bản quan trọng của ngành y

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt đối với ngành Y tế, không chỉ bởi khối lượng công việc lớn, yêu cầu cao về tiến độ và chất lượng, mà còn là năm đánh dấu bước hoàn thiện quan trọng về thể chế trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Năm 2025, Quốc hội đã xem xét, thông qua 2 Luật và 2 Nghị quyết quan trọng trong lĩnh vực y tế, tạo nền tảng pháp lý đồng bộ cho giai đoạn phát triển tiếp theo của ngành.

Cụ thể, Luật Phòng bệnh được Quốc hội thông qua, thể hiện bước chuyển trong tư duy chăm sóc sức khỏe nhân dân, từ trọng tâm "khám bệnh, chữa bệnh" sang chủ động phòng bệnh, lấy người dân làm trung tâm và coi phòng bệnh là nền tảng của hệ thống y tế bền vững.

Luật đã xây dựng khuôn khổ pháp lý cho công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, rối loạn tâm thần và dinh dưỡng trong phòng bệnh, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập bộc lộ rõ qua thực tiễn, đặc biệt là trong công tác phòng, chống đại dịch COVID-19 vừa qua.

Một điểm nhấn quan trọng của Luật là việc bảo đảm cơ chế tài chính bền vững cho công tác phòng bệnh, gắn với trách nhiệm của ngân sách nhà nước và định hướng hình thành Quỹ phòng bệnh, tạo điều kiện để y tế dự phòng và y tế cơ sở được đầu tư ổn định, lâu dài.

Luật cũng đã mở rộng và nâng cao quyền lợi của người dân trong phòng bệnh, như khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc sớm theo lộ trình ưu tiên, bảo đảm tiếp cận công bằng vaccine, sinh phẩm, chú trọng dinh dưỡng trong phòng bệnh, đặc biệt là dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, đồng thời dành sự quan tâm tới nhân lực làm công tác phòng bệnh và các chính sách ưu tiên đối với vùng khó khăn, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Luật Dân số đánh dấu sự thay đổi căn bản trong tư duy chính sách về lĩnh vực này, chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, tiếp cận toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số theo vòng đời. Luật đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để gắn kết công tác dân số với phát triển kinh tế – xã hội, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia.

Đối với hai Nghị quyết của Quốc hội được thông qua tiếp tục hoàn thiện bức tranh chính sách tổng thể của ngành Y tế. Trong đó, Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đã kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho đổi mới, phát triển hệ thống y tế.

Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035 thể hiện cam kết của Nhà nước trong việc đầu tư cho y tế và dân số, bảo đảm nguồn lực bền vững để các chính sách đã được ban hành sớm đi vào cuộc sống.

“Năm 2025, Bộ Y tế đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra trong công tác xây dựng chính sách pháp luật với 4 văn bản quan trọng trên. Các văn bản này đã giải quyết nhiều vấn đề còn tồn tại, nhiều khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành y trong thời gian rất dài vừa qua”, Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan nhấn mạnh tại hội nghị.

Trong thời gian tới, Bộ Y tế xác định nhiệm vụ trọng tâm là tổ chức triển khai hiệu quả các Luật và Nghị quyết đã được ban hành, tập trung xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành; tăng cường phối hợp liên ngành; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình; theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời đề xuất hoàn thiện chính sách, bảo đảm các chủ trương, chính sách thực sự đi vào cuộc sống, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân.

Nguồn: nhandan.vn

BỘ TÀI CHÍNH: HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN THÔNG TIN PHÁP LUẬT SÁT NHU CẦU

Nhằm hiện thực hóa chủ trương của Chính phủ trong việc đồng hành, tháo gỡ khó khăn và nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 4503/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 về Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026.

Mục tiêu trọng tâm được Bộ Tài chính xác định trong năm 2026 là bảo đảm 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tiếp cận thông tin pháp luật chính xác, kịp thời và sát với thực tiễn. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn pháp luật, giải đáp vướng mắc và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trong các lĩnh vực tài chính cũng được đẩy mạnh.

Theo Kế hoạch, các hoạt động hỗ trợ sẽ được triển khai theo nguyên tắc có trọng tâm, công khai, minh bạch và tiết kiệm nguồn lực. Bộ Tài chính sẽ kiên quyết loại bỏ tình trạng hỗ trợ chồng chéo, dàn trải, thay vào đó tập trung vào các vấn đề cốt lõi phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Cụ thể, Bộ Tài chính sẽ tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm và đối thoại trực tiếp để lắng nghe và giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp. Song song đó, công tác biên soạn tài liệu, tư vấn trực tuyến và truyền thông chính sách trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính cùng các phương tiện đại chúng sẽ được tăng cường.

Nội dung hỗ trợ sẽ xoay quanh các lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp, như thuế, hải quan, chứng khoán, tài chính doanh nghiệp và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để đảm bảo hiệu quả thực chất, Bộ Tài chính đã phân công nhiệm vụ cho các đơn vị đầu mối: Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí; Cục Thuế; Cục Hải quan; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp triển khai đúng tiến độ.

Ngoài ra, Kế hoạch năm 2026 tiếp tục gắn liền với việc thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2023 - 2030” (theo Quyết định số 1949/QĐ-BTC). Các cơ quan báo chí ngành Tài chính cũng được yêu cầu đẩy mạnh truyền thông về các dự thảo chính sách có tác động lớn đến xã hội theo tinh thần Quyết định số 407/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỘ TƯ PHÁP: BỔ SUNG CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chính phủ ban hành Nghị định 09/2026/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Nghị định số 09/2026/NĐ-CP nêu rõ Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Xây dựng pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật; thi hành án dân sự; hành chính tư pháp; bảo trợ tư pháp; công tác pháp chế; kiểm soát thủ tục hành chính; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Như vậy, Bộ Tư pháp được giao thêm chức năng về kiểm soát thủ tục hành chính.

Bộ Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và 23 nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

Trong đó, trình Chính phủ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm đã được phê duyệt và các dự án, đề án khác theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm, hàng năm và các dự án quan trọng quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; quản lý, phát triển, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; xây dựng, quản lý, vận hành Cổng Pháp luật quốc gia theo quy định pháp luật; Về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; về hành chính tư pháp...

Về công tác xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp được giao: Trình Chính phủ dự thảo chiến lược, đề án xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; lập dự kiến của Chính phủ về chương trình xây dựng pháp luật đối với các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; dự kiến cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; thẩm định, tham gia xây dựng, có ý kiến về

đề xuất chính sách và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định pháp luật và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;...

Về tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ; Tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp để tổ chức thi hành pháp luật, triển khai các biện pháp để tổ chức thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra việc thực hiện các công tác: phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra; rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; theo dõi việc thi hành bản quy phạm pháp luật; xử lý vi phạm hành chính; tiếp cận thông tin; hòa giải ở cơ sở; đánh giá, công nhận xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định pháp luật;...

Về kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước; công tác truyền thông về cải cách thủ tục hành chính; kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiên cứu, đề xuất hoặc chủ động nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính và quy định có liên quan; đánh giá và xử lý kết quả rà soát về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan kịp thời xây dựng, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện đầy đủ, hiệu quả nhiệm vụ thường trực Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin

SỬA ĐỔI 7 NGHỊ ĐỊNH ĐỂ CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 7 nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nghị định số 15/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 7 Nghị định: 76/2018/NĐ-CP; 65/2023/NĐ-CP; 63/2023/NĐ-CP; 115/2025/NĐ-CP; 163/2024/NĐ-CP; 23/2025/NĐ-CP; 133/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 15/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trên nhằm cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, giảm thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính (giảm yêu cầu số năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết; bỏ các quy định yêu cầu nộp bản sao; chỉnh sửa các biểu mẫu; thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến)...

Giảm yêu cầu số năm kinh nghiệm làm việc

Trong đó, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 18, 20 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Theo quy định mới, tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự nghiên cứu; đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền.

Đồng thời, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ tại khoản 2 Điều 33 Nghị định 76/2018/NĐ-CP.

Theo quy định mới, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ khi đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ thì phải có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 02 năm (quy định cũ là 3 năm) trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá.

Cũng theo quy định mới, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ khi đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ thì phải có ít nhất 02 giám định viên chính thức trong lĩnh vực công nghệ giám định của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) có kinh nghiệm làm việc từ 02 năm (quy định cũ là 3 năm) trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định.

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

Nghị định số 15/2026/NĐ-CP sửa đổi Điều 17 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP theo hướng thực hiện phương án giảm thời gian xử lý thủ tục rút đơn đăng ký sở hữu công nghiệp từ 2 tháng xuống còn 30 ngày.

Nghị định số 15/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi Điều 42 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP theo hướng giảm thời gian xử lý thủ tục đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm từ 3 tháng xuống còn 2 tháng.

Đồng thời, thực hiện phương án giảm thời gian xử lý thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 63 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.

Bãi bỏ một số thủ tục hành chính

Ngoài ra, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP cũng bãi bỏ Điều 42, 47 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP tương ứng với bãi bỏ thủ tục: Giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân khác và thủ tục cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Quy định mới về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính

Nghị định số 15/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 28, 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP quy định về thẩm quyền thực hiện thủ tục: Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá và cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

Theo quy định mới, việc cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15 (Nghị định số 63/2023/NĐ-CP) thực hiện như sau:

a) Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh) bất kỳ thực hiện;

b) Việc cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện.

Việc cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện;

b) Việc cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện.

Nguồn: baohinhphu.vn

NGÀNH THUẾ TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM THUẾ, HÓA ĐƠN

Vừa qua, Cục Thuế (Bộ Tài Chính) vừa tổ chức hội nghị tập huấn trực tuyến toàn quốc nhằm triển khai thống nhất các quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

thuế, hóa đơn theo Nghị định 310/2025/NĐ-CP, góp phần bảo đảm áp dụng pháp luật đồng bộ, minh bạch trong toàn ngành.

Mở rộng phạm vi điều chỉnh, làm rõ đối tượng và hành vi vi phạm

Trong bối cảnh hiện nay, toàn ngành Thuế đang đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng áp dụng hóa đơn điện tử và triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thuế. Việc tập huấn thống nhất các quy định mới được xác định là yêu cầu cấp thiết, góp phần bảo đảm áp dụng pháp luật đúng quy định, đồng bộ trong toàn hệ thống.

Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Trưởng ban Pháp chế - Cục Thuế, nhấn mạnh Nghị định 310/2025/NĐ-CP (bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP) được ban hành nhằm hoàn thiện khung pháp lý xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, phù hợp với thực tiễn quản lý thuế điện tử hiện nay.

Tại hội nghị, đại diện Ban Pháp chế đã trực tiếp trình bày 10 nội dung cần lưu ý của Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 16/01/2026. Một trong những điểm đáng chú ý là việc bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với các khoản thu khác theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp do cơ quan thuế quản lý thu.

Nghị định cũng bổ sung đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai trong các tập đoàn, cùng với các hành vi vi phạm liên quan đến việc thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Bên cạnh đó, quy định mới bổ sung hành vi vi phạm hành chính đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trong trường hợp cung cấp giải pháp khởi tạo, kết nối, truyền nhận, lưu trữ và xử lý dữ liệu hóa đơn điện tử không bảo đảm các nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

Hoàn thiện nguyên tắc xử phạt, điều chỉnh thẩm quyền và thủ tục

Nghị định số 310/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung nhiều nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Theo đó, trường hợp người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế trong cùng một ngày thì chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai có khung tiền phạt cao nhất. Đồng thời, quy định bãi bỏ việc áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính nhiều lần” trong các trường hợp này.

Quy định mới cũng làm rõ trường hợp người nộp thuế khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế hoặc thực hiện nhiều hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm hoặc không lập hóa đơn nhưng bị xử phạt trong cùng một vụ việc thì chỉ áp dụng một hành vi vi phạm với mức phạt tương ứng theo số lượng hóa đơn vi phạm.

Đáng chú ý, Nghị định sửa đổi quy định về tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính có quy mô lớn”, xác định rõ ngưỡng số lượng hóa đơn vi phạm hoặc số tiền thuế trốn để áp dụng tình tiết này. Đồng thời, quy định cụ thể việc xử phạt các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong trường hợp cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác định nghĩa vụ thuế không đúng thời hạn hoặc không chính xác.

Nghị định cũng điều chỉnh khung tiền phạt đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm và hành vi không lập hóa đơn theo số lượng hóa đơn vi phạm trong một vụ việc. Về thẩm quyền xử phạt, quy định mới bổ sung thẩm quyền phạt tiền cho công chức thuế, đồng thời điều chỉnh tên gọi, thẩm quyền của các chức danh lãnh đạo cơ quan thuế các cấp cho phù hợp với mô hình tổ chức hiện nay.

Bên cạnh đó, Nghị định bãi bỏ thẩm quyền xử phạt của một số chức danh và quy định lại thẩm quyền xử phạt của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thay cho chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong một số trường hợp.

Đại diện các ban, đơn vị và Thuế các tỉnh, thành phố đã nêu nhiều ý kiến liên quan đến những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn áp dụng các quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, nhất là trong điều kiện quản lý thuế điện tử. Các ý kiến đã được trao đổi, làm rõ và giải đáp trên cơ sở quy định hiện hành.

Sau khi trao đổi, Trưởng ban Pháp chế Nguyễn Thị Lan Anh đề nghị các ban, đơn vị và Thuế các tỉnh, thành phố khẩn trương triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định 310/2025/NĐ-CP; chủ động xây dựng kế hoạch và đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế nhằm bảo đảm Nghị định được triển khai thống nhất, hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế trong toàn xã hội.

Nguồn: baohinhphu.vn

THÔNG TƯ SỐ 121/2025/TT-BTC MỞ ĐƯỜNG “HẢI QUAN SỐ”: THỦ TỤC GỌN, THÔNG QUAN NHANH

Từ ngày 01/2/2026, Thông tư số 121/2025/TT-BTC có hiệu lực, sửa đổi nhiều quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, thuế xuất nhập khẩu và quản lý thuế. Trọng tâm là số hóa hồ sơ, cắt giảm chứng từ, phân cấp - phân quyền, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Hồ sơ hải quan “lên mạng”: số hóa chứng từ, dữ liệu tập trung

Nội dung sửa đổi tập trung vào nhóm giải pháp tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, gắn với chuyển đổi số, cắt giảm thủ tục hành chính, phân cấp - phân quyền và nâng cao hiệu lực quản lý.

Trước hết, Thông tư số 121/2025/TT-BTC bổ sung, sửa đổi các quy định liên quan đến việc số hóa chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan (Điều 3, 16, 16a, 18 của Thông tư 38). Việc sửa đổi này được đặt trong bối cảnh triển khai nhiệm vụ “thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính...” theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, đồng thời phù hợp yêu cầu tổ chức thực hiện thủ tục hải quan theo mô hình bộ máy mới.

Theo quy định mới, việc khai và nộp tờ khai, chứng từ được thực hiện qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Người khai hải quan có trách nhiệm lưu trữ bản chính các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan; tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung đã khai và chứng từ đã nộp, xuất trình; chịu trách nhiệm về sự thống nhất thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh

nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan. Đồng thời, người khai hải quan tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc chuyển đổi chứng từ từ bản giấy sang dạng chỉ tiêu thông tin điện tử. Cơ quan hải quan chỉ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Tiếp đó, Thông tư số 121/2025/TT-BTC chỉ liệt kê các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan, không quy định theo hướng “bản chụp” hay “bản chính” như cách diễn đạt trước đây.

Đồng thời, Thông tư quy định thực hiện số hóa tất cả các chứng từ thuộc bộ hồ sơ trong thông quan dưới dạng chỉ tiêu thông tin. Theo đó, hồ sơ được chuyển sang dạng dữ liệu điện tử hoặc gửi qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, góp phần hỗ trợ thông quan hàng hóa nhanh chóng, giảm việc người khai hải quan phải đến cơ quan hải quan nộp chứng từ giấy trong nhiều trường hợp. Về phía cơ quan hải quan, dữ liệu được tập trung để phục vụ công tác quản lý.

Giảm giấy tờ, tăng phân cấp: các thủ tục “nhiều vương” được chỉnh lại

Thông tư số 121/2025/TT-BTC sửa đổi nhiều nội dung theo hướng cắt giảm chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan và tăng phân cấp – phân quyền ở một số khâu thủ tục.

Tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC, hồ sơ khai sửa đổi, bổ sung yêu cầu người khai hải quan nộp nhiều chứng từ; với một số trường hợp đặc thù cơ quan hải quan phải kiểm tra xác minh thông tin, dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện thủ tục. Vì vậy, Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định đơn giản hóa hồ sơ người khai hải quan phải nộp khi khai bổ sung, theo đó chỉ còn 2 chứng từ:

Một là văn bản ghi nhận việc và thống nhất phương án xử lý giữa người gửi và người nhận hàng trong trường hợp gửi thừa hàng, nhầm hàng, thiếu hàng: 01 bản chụp;

Hai là hóa đơn thương mại ghi nhận việc sửa đổi các thông tin về hàng hóa và giá trị hàng hóa: 1 bản chụp.

Về xử lý, sau khi kiểm tra hồ sơ, cơ quan hải quan căn cứ thông tin hàng hóa còn trong khu vực giám sát hay không để xem xét.

Với trường hợp hàng hóa còn trong khu vực giám sát hải quan, hải quan nơi đăng ký tờ khai quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa và giải quyết tiếp thủ tục theo quy định.

Với trường hợp hàng hóa đã đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan (một phần hoặc toàn bộ), cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ liên quan đến việc khai bổ sung. Nếu kết quả kiểm tra phù hợp thì giải quyết tiếp thủ tục theo nguyên tắc người khai hải quan tự khai, tự chịu trách nhiệm; nếu kết quả kiểm tra không phù hợp thì từ chối không chấp nhận nội dung khai bổ sung và xử lý vi phạm (nếu có).

Cắt giảm chứng từ khi đưa hàng về bảo quản

Thực hiện chủ trương cắt giảm thủ tục hành chính, Thông tư 121 điều chỉnh và cắt giảm 3 chứng từ trong thủ tục đưa hàng về bảo quản.

Hồ sơ cắt giảm gồm: Giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành (trường hợp đăng ký kiểm tra chuyên ngành thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải gửi chứng từ này cho cơ quan hải quan);

Biên bản lấy mẫu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành trong trường hợp lấy mẫu tại cửa khẩu; Tài liệu chứng minh địa điểm đưa hàng về bảo quản là kho bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo bảo quản nguyên trạng hàng hóa theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP...

Phó Cục trưởng Cục Hải quan Âu Anh Tuấn nhấn mạnh việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và quy trình nghiệp vụ là nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh chuyển đổi số, ngành Hải quan lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để xây dựng hệ thống hiện đại, phù hợp các cam kết quốc tế.

Về lộ trình thời gian tới, ông Âu Anh Tuấn cho biết năm 2026 là thời điểm quan trọng để rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan, dự kiến trình Quốc hội vào tháng 10/2026, làm cơ sở pháp lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn của mô hình Hải quan số và số hóa toàn bộ quy trình thủ tục. Theo đó, các nghị định và thông tư hướng dẫn cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng để bảo đảm tính đồng bộ khi hệ thống công nghệ thông tin mới đi vào hoạt động.

Một nội dung được nêu trong lộ trình là kế hoạch thay thế Hệ thống VNACCS/VCIS, dự kiến triển khai từ ngày 31/12/2026. Giai đoạn từ cuối năm 2026 và đầu năm 2027, cơ quan Hải quan sẽ ứng dụng đưa tất cả thủ tục hải quan, từ quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan đến quản lý thuế, tích hợp trên một nền tảng duy nhất là Hệ thống Hải quan số và Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐỘT PHÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ: DẤU ẤN TIỀN PHONG CỦA BỘ CÔNG AN

Bộ Công an đã đi đầu triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06), Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ sinh thái định danh điện tử VNeID... Đây là một trong những thành tựu nổi bật của lực lượng công an nhân dân trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định chuyển đổi số là một trong những đột phá chiến lược nhằm đổi mới phương thức quản trị quốc gia, nâng cao hiệu quả điều hành và chất lượng phục vụ nhân dân. Trong tiến trình đó, Bộ Công an nổi lên là lực lượng đi đầu, mở đường, với dấu ấn đậm nét từ Đề án 06, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ sinh thái định danh, xác thực điện tử VNeID...

Đây không chỉ là câu chuyện công nghệ, mà là một cuộc cải cách lớn về quản lý xã hội, tác động trực tiếp đến hàng chục triệu người dân và toàn bộ hệ thống hành chính.

“Xương sống” của chuyển đổi số quốc gia

Trước năm 2021, cả nước có khoảng 5.400 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành, địa phương. Trong đó, việc quản lý dân cư do nhiều bộ, ngành, địa phương cùng thực hiện và đa phần bằng phương thức thủ công, truyền thống phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Với tinh thần “Đặt lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc, của nhân dân lên trên hết, trước hết”, ngày 6/01/2022, Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an đã phối hợp cùng Văn phòng Chính phủ tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Quyết định số 06 phê duyệt “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Đề án được đánh giá là “xương sống” của chuyển đổi số quốc gia, lần đầu tiên đưa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trở thành hạ tầng dùng chung.

Để đạt được mục tiêu đề ra tại 63 tỉnh, thành phố với hơn 700 quận, huyện, thị xã, thành phố và gần 11.000 xã, phường, thị trấn, cán bộ chiến sĩ lực lượng công an miệt mài thực hiện nhiều biện pháp tuyên truyền, đến từng ngõ, ngách, vận động từng hộ dân.

Theo số liệu thống kê của Bộ Công an, trong 11 tháng năm 2022, công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên cổng dịch vụ công Bộ Công an đã tăng lên. Nếu như 6 tháng đầu năm là dưới 10%, nay con số này đã tăng lên gần 15%. Số lượng tài khoản đăng ký sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công Bộ Công an tăng từ gần 66.000 tài khoản tại thời điểm đầu tháng 8 lên đến trên 340.000 tài khoản ở thời điểm hiện tại, tức tăng hơn 5 lần.

Trong thời gian này, trên 76 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử đã được cấp và tích hợp nhiều thông tin như: thông tin cá nhân, bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, thẻ ATM phục vụ người dân chỉ sử dụng một loại giấy tờ căn cước công dân khi đi khám bệnh, giao dịch hành chính hay ngân hàng.

Đặc biệt, ngày 18/7/2022, Bộ Công an đã công bố hệ thống định danh và xác thực điện tử, đưa Việt Nam trở thành một trong những nước triển khai định danh điện tử quốc gia.

Đến tháng 12/2025, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã có 107 triệu dữ liệu công dân, kết nối với 15 bộ, ngành và 34 địa phương, tiếp nhận 2,1 tỷ lượt yêu cầu xác thực.

Hệ sinh thái VNeID – “Ví giấy tờ số” của công dân

Trên nền tảng dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”, Bộ Công an đã xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ sinh thái định danh điện tử VNeID. Đến nay, 67 triệu tài khoản định danh điện tử, trong đó có số lượng lớn tài khoản mức độ 2, đã được kích hoạt, cho phép người dân sử dụng thông tin số thay thế nhiều loại giấy tờ truyền thống.

Theo thống kê của Bộ Công an, tính đến tháng 12/2025, có 48 tiện ích trên ứng dụng VNeID với số lượng người dân truy cập, sử dụng tiện ích, dịch vụ của tài khoản định danh điện tử lên đến 3 triệu lượt/ngày.

Đại diện Bộ Công an cho biết, có thời điểm lên tới 5,7 triệu lượt sử dụng, một số tiện ích nổi bật như: sử dụng giấy phép lái xe trên VNeID trung bình 607.340 lượt sử dụng/ngày;

đăng ký xe 309.195 lượt/ngày, thông tin cư trú (Hộ khẩu điện tử) trung bình 389.992 lượt/ngày, Căn cước điện tử trung bình gần 392.000lượt/ngày...

Việc triển khai VNeID đã tạo đột phá mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính. Hàng trăm thủ tục được cắt giảm, đơn giản hóa; nhiều dịch vụ công thiết yếu được cung cấp trực tuyến, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Không dừng lại ở lĩnh vực hành chính, dữ liệu dân cư còn được khai thác hiệu quả trong quản lý xã hội, phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự và phục vụ hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Trung tâm Dữ liệu Quốc gia – Trụ cột hạ tầng số do Bộ Công an chủ trì xây dựng

Ngày 25/2/2025, Trung tâm Dữ liệu Quốc gia được thành lập và chính thức ra mắt, đây là bước đột phá quan trọng, đưa Việt Nam lần đầu tiên có một đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng quản lý, điều phối nhà nước về dữ liệu. Trung tâm được xác định đóng vai trò then chốt, là “bộ não” và “trái tim” của quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Cương, Giám đốc Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (Bộ Công an) cho biết, công tác đầu tư xây dựng hạ tầng Trung tâm đã được triển khai với tinh thần khẩn trương, làm việc liên tục “24/7”, “3 ca, 4 kíp”, không kể ngày đêm hay ngày nghỉ và đã tổ chức khai trương vào ngày 18/8/2025, vượt tiến độ 3 tháng.

Về hoàn thiện hành lang pháp lý, trung tâm đã tham mưu ban hành 4 nghị định và 4 quyết định hướng dẫn thi hành, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc quản trị và khai thác dữ liệu. Về tạo lập và tích hợp dữ liệu quốc gia, đã hoàn thành đồng bộ lượng lớn dữ liệu về kho dữ liệu tổng hợp, bao gồm 157 triệu dữ liệu từ 16 Cơ sở dữ liệu Quốc gia/chuyên ngành. Đây là nguồn nguyên liệu quý giá phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Cũng theo Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Cương, về cải cách hành chính và dịch vụ công, trung tâm phối hợp với Văn phòng Chính phủ tái cấu trúc quy trình cho 82 nhóm thủ tục hành chính. Cổng Dịch vụ công quốc gia đang được dịch chuyển và vận hành tập trung tại trung tâm theo hướng trở thành “điểm một cửa số tập trung duy nhất”, giúp đơn giản hóa thủ tục dựa trên dữ liệu sẵn có, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Trung tâm Dữ liệu Quốc gia số 1 đã được phê duyệt là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, đã triển khai hệ thống an ninh vật lý 10 lớp hiện đại và hệ thống giám sát an ninh mạng (SOC/SIEM) 24/7 để bảo vệ chủ quyền dữ liệu số của quốc gia.

Nguồn: vietnamnet.vn

THÁO GỖ “ĐIỂM NGHẼN” PHÁP LÝ TRONG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRỰC TUYẾN

Bộ Tư pháp đang trong quá trình thẩm định dự thảo hồ sơ nghị quyết của Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai

đấu giá tài sản trực tuyến theo quy định của Luật Đấu giá tài sản (nghị quyết). Dự thảo nghị quyết đã có nhiều quy định liên quan đến đấu giá tài sản theo hình thức trực tuyến nhằm bảo đảm minh bạch trong đấu giá tài sản.

Khoảng trống pháp lý về xác thực danh tính điện tử đối với người tham gia đấu giá

Theo Bộ Công an - cơ quan được giao chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết, Luật Đấu giá tài sản hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định bắt buộc về định danh, xác thực danh tính điện tử đối với người tham gia đấu giá, người có tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên, Hội đồng đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản trực tuyến. Chính khoảng trống pháp lý này dẫn đến nguy cơ các tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá trực tuyến từ đó trục lợi trong hoạt động đấu giá tài sản.

Bên cạnh đó, mặc dù Luật Đấu giá tài sản có quy định trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến, song mới chỉ dừng ở việc quy định cơ bản về trình tự thực hiện, chưa bao quát toàn bộ quy trình số hóa như: nộp hồ sơ trực tuyến, định danh và xác thực điện tử đối với người đăng ký tham gia đấu giá. Trên thực tế, nhiều tài sản vẫn được tổ chức đấu giá theo phương thức trực tiếp thủ công, phân tán tại các bộ, ngành, địa phương, chưa có nền tảng thống nhất để quản lý, theo dõi và kiểm soát hoạt động đấu giá trên phạm vi toàn quốc.

Dù nghị định Nghị định số 172/2024/NĐ-CP quy định trình tự tổ chức đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến nhưng chưa quy định đấu giá tài sản trực tuyến toàn trình. Điều này dẫn đến thiếu thống nhất trong việc hướng dẫn thực hiện, đặc biệt đối với các bước nộp hồ sơ, xác thực thông tin và thanh toán tiền đặt trước.

Thực tế triển khai cho thấy, một số tổ chức đấu giá tài sản hướng dẫn người tham gia mua và nộp hồ sơ đăng ký thông qua thư điện tử (email) hoặc tài khoản trên trang thông tin điện tử; một số khác yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính. Hình thức nộp tiền đặt trước cũng chưa thống nhất: một số tổ chức yêu cầu chuyển khoản kèm chứng từ xác nhận, hoặc tích hợp chức năng thanh toán qua tài khoản truy cập trên hệ thống. Việc tổ chức thực hiện không đồng bộ, thiếu quy trình số hóa toàn trình dẫn đến hình thức đấu giá trực tuyến chưa bảo đảm toàn trình trong môi trường điện tử.

Bên cạnh vướng mắc về quy định pháp luật, hạ tầng các trang thông tin đấu giá trực tuyến do các tổ chức hành nghề vận hành còn hạn chế, chưa đáp ứng đồng thời số lượng lớn người tham gia. Hạ tầng công nghệ phân tán, thiếu đồng bộ, cần được nâng cấp toàn diện để bảo đảm an toàn, an ninh mạng và triển khai đấu giá toàn trình trên môi trường điện tử. Tỷ lệ tổ chức hành nghề đấu giá đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin cấp độ 3 theo Nghị định số 172/2024/NĐ-CP còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển đấu giá trực tuyến trong bối cảnh chuyển đổi số.

Hạn chế tình trạng trục lợi trong hoạt động đấu giá tài sản

Mặc dù pháp luật quy định tổ chức đấu giá trực tuyến trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia nhằm giảm chi phí và nâng cao minh bạch, nhưng trên thực tế thủ tục vẫn chưa được thực hiện trực tuyến toàn trình, phát sinh chi phí đi lại, hồ sơ giấy tờ, công chứng và giám sát dẫn đến mục tiêu cải cách hành chính, giảm chi phí xã hội và tối ưu hóa nguồn lực tài sản công chưa đạt được, đồng thời hạn chế sức cạnh tranh của thị trường đấu giá.

Theo Bộ Công an, từ tháng 1/2025, Bộ đã triển khai thí điểm Hệ thống quản lý đấu giá tài sản trên nền tảng định danh và xác thực điện tử đối với tài sản vi phạm hành chính bị tịch thu. Tính đến ngày 16/12/2025, kết quả bước đầu ghi nhận: 167 lô tài sản được niêm yết công khai, tổ chức 36 phiên đấu giá, tổng giá khởi điểm 26.251.862.200 đồng, tổng giá trúng 31.660.162.200 đồng. Bước đầu cho thấy, Hệ thống thí điểm này có tính hiệu quả, khả năng kết nối, liên thông toàn trình giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá và người tham gia đấu giá thông qua xác thực danh tính điện tử trên nền tảng định danh và xác thực điện tử, đảm bảo minh bạch, hạn chế tình trạng trục lợi trong hoạt động đấu giá tài sản, “quân xanh, quân đỏ”, dìm giá, hạn chế thất thoát tài sản công.

Trong bối cảnh đổi mới mô hình tổ chức chính quyền 2 cấp theo hướng tinh gọn, đặt ra nhu cầu cấp thiết phải nhanh chóng hiện đại hóa quy trình xử lý tài sản thanh lý trong hoạt động đấu giá, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân lực và giảm thiểu tình trạng tài sản công dôi dư, chậm đưa vào sử dụng. Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu này, hoạt động đấu giá tài sản cần được tổ chức theo hình thức trực tuyến, bảo đảm triển khai nhanh chóng, toàn trình trên môi trường điện tử; đồng thời chuẩn hóa, số hóa và kết nối đầy đủ dữ liệu về tài sản đấu giá. Xuất phát từ những hạn chế nêu trên, việc triển khai đấu giá tài sản trực tuyến toàn trình trên môi trường điện tử thông qua việc hình thành cơ chế kết nối, liên thông giữa Cổng đấu giá tài sản quốc gia của Bộ Tư pháp và Hệ thống quản lý đấu giá tài sản của Bộ Công an là cấp thiết.

Trên cơ sở đó, Bộ Công an đề xuất: quy định thực hiện đấu giá tài sản trực tuyến thông qua Hệ thống quản lý đấu giá tài sản do Bộ Công an xây dựng, quản lý và vận hành hoặc trang thông tin đấu giá trực tuyến đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện kết nối do Bộ Công an quy định và đồng bộ dữ liệu kết quả với Hệ thống quản lý đấu giá tài sản. Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và Hệ thống quản lý đấu giá tài sản tổ chức việc đấu giá tài sản trực tuyến đảm bảo tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu về đấu giá tài sản.

Để bảo đảm tính minh bạch và ngăn chặn tiêu cực xảy ra trong đấu giá tài sản, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất quy định yêu cầu về định danh và xác thực điện tử đối với tài khoản trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và Hệ thống quản lý đấu giá tài sản. Theo đó, tài khoản được sử dụng để thực hiện việc đấu giá tài sản trực tuyến của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên, Hội đồng đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản trực tuyến phải được định danh, xác thực từ mức độ 2 trở lên theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử. Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và Hệ thống quản lý đấu giá tài sản phải đảm bảo ghi nhận và lưu trữ đầy đủ nhật ký định danh, xác thực, đăng nhập và

các giao dịch điện tử của tài khoản được sử dụng để thực hiện việc đấu giá tài sản trực tuyến theo thời gian thực để phục vụ việc kiểm tra, giám sát, đối chiếu và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình tổ chức đấu giá tài sản trực tuyến. Quy định này nhằm đảm bảo việc quản lý và xác thực danh tính của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá và tổ chức hành nghề đấu giá, hạn chế tối đa việc giả mạo thông tin, sử dụng giấy tờ sai sự thật, qua đó ngăn chặn các hành vi trục lợi trong hoạt động đấu giá.

Việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai đấu giá tài sản trực tuyến theo quy định của Luật Đấu giá tài sản sẽ tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất, nhằm đẩy mạnh triển khai đấu giá tài sản trực tuyến toàn trình trên môi trường điện tử. Qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động đấu giá.

Nguồn: daibieunhandan.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**THÀNH PHỐ HÀ NỘI: BƯỚC TIỀN MỚI TRONG
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH BẢO HIỂM XÃ HỘI,
ĐƯA DỊCH VỤ CÔNG ĐẾN GẦN DÂN HƠN**

Ngày 14/01/2026, tại Hà Nội, Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội và Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố đã tổ chức Hội nghị triển khai Quy chế phối hợp thực hiện thủ tục hành chính.

Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu bước chuyển mình trong việc tích hợp dữ liệu, ứng dụng công nghệ số và chuẩn hóa quy trình “một cửa”, hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính Thủ đô chuyên nghiệp, hiện đại, vì sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Áp lực lớn từ thực tiễn đòi hỏi sự liên thông chặt chẽ

Hà Nội là địa bàn có quy mô dân số lớn với trên 8,6 triệu người, kéo theo khối lượng công việc khổng lồ trong lĩnh vực an sinh xã hội. Theo báo cáo tại hội nghị, hiện bảo hiểm xã hội thành phố đang quản lý hơn 143 nghìn đơn vị, doanh nghiệp với trên 2,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội. Đặc biệt, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) đã đạt 95,95% dân số, tương ứng với hơn 8,4 triệu người tham gia.

Những con số "biết nói" được Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Nguyễn Ngọc Huyền đưa ra đã minh chứng cho áp lực không nhỏ lên hệ thống an sinh: Mỗi năm, hệ thống tiếp nhận và giải quyết trên 15 triệu hồ sơ; đảm bảo quyền lợi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho trên 13 triệu lượt người. Bên cạnh đó, công tác chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng cũng được thực hiện cho trên 606 nghìn người thụ hưởng với số tiền trung bình hơn 4.200 tỷ đồng mỗi tháng.

Trước thực tế quy mô và tính đa dạng của đối tượng thụ hưởng ngày càng tăng, việc chỉ dựa vào nguồn lực riêng lẻ của ngành bảo hiểm xã hội là chưa đủ để tối ưu hóa trải nghiệm của người dân. Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Nguyễn Ngọc Huyền khẳng định: “Việc ký kết và triển khai quy chế phối hợp giữa bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội và Trung tâm Phục vụ Hành chính công Thành phố là rất cần thiết, phù hợp thực tế”. Sự hợp tác này không chỉ dừng lại ở việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông mà còn mở rộng sang tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia và giải quyết các vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

5 nội dung phối hợp trọng tâm: Lấy công nghệ làm đòn bẩy

Tại hội nghị, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Nguyễn Công Định đã trình bày chi tiết về Quy chế phối hợp số 01/QCPH-TTPVHCC-BHXXH. Theo đó, hai cơ quan thống nhất tập trung vào 5 nội dung cốt lõi, bao gồm: Tuyên truyền phổ biến pháp luật; Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; Tổ chức thực hiện chế độ chính sách; Phát triển người tham gia; và Chế độ thông tin báo cáo.

Điểm nhấn mang tính đột phá trong quy chế lần này là việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và nền tảng “Công dân Thủ đô số” - iHanoi. Cụ thể, Bảo hiểm xã hội thành phố sẽ phối hợp cung cấp dữ liệu, hỗ trợ trả lời tự động về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên Tổng đài thông minh AI của ứng dụng iHanoi. Đây là bước đi chiến lược nhằm giúp người dân tiếp cận thông tin chính xác, nhanh chóng 24/7 mà không cần đến trực tiếp cơ quan công quyền.

Về phía Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị cam kết hỗ trợ tối đa về hạ tầng kỹ thuật. Trung tâm sẽ bố trí các quầy tiếp nhận có bộ nhận diện thương hiệu riêng của cơ quan bảo hiểm xã hội, tạo sự thân thiện và dễ nhận biết cho người dân. Đáng chú ý, Trung tâm sẽ sử dụng dữ liệu từ ứng dụng iHanoi để rà soát, xác minh thông tin người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, đồng thời nhắc nhở người dân khi đến hạn ủy quyền hoặc cần xác minh thông tin thụ hưởng. Sự tương tác trực tuyến này hứa hẹn giảm thiểu đáng kể thời gian đi lại và các thủ tục giấy tờ không cần thiết cho người dân Thủ đô.

Cam kết vì một nền hành chính phục vụ

Phát biểu tại hội nghị, ông Phan Văn Phúc, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố nhấn mạnh vai trò “cầu nối” của Trung tâm trong việc điều phối nhịp nhàng giữa các bộ phận để quy trình giải quyết hồ sơ luôn thông suốt.

Cũng trong khuôn khổ hội nghị, các đại biểu đã được nghe phổ biến quy trình nghiệp vụ chi tiết. Ông Nguyễn Xuân Thẩm, Phó Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội thành phố hướng dẫn quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ; trong khi đó, bà Dương Thị Minh Châu, Trưởng phòng Truyền thông, phổ biến công tác tư vấn và hỗ trợ người tham gia.

Việc triển khai Quy chế phối hợp là hành động cụ thể hóa Chương trình hành động số 01 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 18 và các chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030. Thông qua sự phối hợp đồng bộ này, Bảo hiểm xã hội thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công kỳ vọng sẽ khắc phục được tình trạng cát cứ dữ liệu, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Kết luận hội nghị, Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Nguyễn Ngọc Huyền giao Văn phòng Bảo hiểm xã hội thành phố làm đầu mối thường trực, chỉ đạo các phòng nghiệp vụ và bảo hiểm xã hội cơ sở chủ động trao đổi thông tin với các phòng chuyên môn của Trung tâm Phục vụ hành chính công. Với quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo hai ngành, quy chế phối hợp được kỳ vọng sẽ sớm đi vào thực tiễn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định trật tự và xây dựng hình ảnh chính quyền Thủ đô hiện đại, tận tụy phục vụ nhân dân.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: NĂM 2026, NGÀNH THUẾ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Năm 2026, ngành Thuế Thành phố Hồ Chí Minh được thành phố giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước cao nhất từ trước đến nay. Để thực hiện kế hoạch, ngành Thuế đã xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ, đẩy mạnh cải cách, chuyển đổi số...

Đặt mục tiêu thu cao nhất

Thuế thành phố Hồ Chí Minh thông tin, năm 2026, Thuế thành phố được Chính phủ giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước là 627.000 tỷ đồng (chiếm gần 28% nhiệm vụ thu của toàn ngành). Hội đồng nhân dân thành phố giao bổ sung với tổng thu là 628.175 tỷ đồng, trong đó, thu nội địa là 588.675 tỷ đồng, thu từ dầu thô là 39.500 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất là 90.000 tỷ đồng.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, năm 2026, ngành Thuế Thành phố Hồ Chí Minh xác định các nhiệm vụ trọng tâm và triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhóm giải pháp thực hiện công tác thuế. Trong đó, tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp quản lý thu; tăng cường quản lý nguồn thu, chống thất thu, khai thác các nguồn tiềm năng như thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, hộ cá nhân kinh doanh...

Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, chính quyền địa phương trong công tác quản lý thu, chống thất thu ngân sách; triển khai thực hiện tốt chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế do Quốc hội và Chính phủ ban hành để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách quốc gia.

Về phía lãnh đạo ngành Thuế, ông Mai Sơn, Phó Cục trưởng Cục Thuế đề nghị Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể hóa chương trình hành động ngay từ đầu năm 2026, phấn đấu quý I đạt tối thiểu 35% dự toán, bao quát đầy đủ các nguồn thu.

Bên cạnh các giải pháp quản lý thuế truyền thống, ngành thuế cần tiếp tục mở rộng cơ sở thu ở những lĩnh vực còn dư địa như thuế tối thiểu toàn cầu, kinh tế đêm, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, chuyển nhượng vốn và bất động sản.

Đẩy mạnh chuyển đổi số

Trước yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và hiện đại hóa công tác quản lý thuế của ngành, ông Đoàn Minh Dũng, Trưởng Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, năm 2026, ngành Thuế thành phố tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

Theo đó, bảo đảm 100% dữ liệu người nộp thuế trên địa bàn quản lý được đồng bộ hóa tự động và nhất quán giữa hệ thống thuế, hệ thống đăng ký kinh doanh và cơ sở dữ liệu quốc gia. Cùng với đó, triển khai tự động hóa và quản lý rủi ro trong quy trình đăng ký thuế, cắt giảm tối thiểu 30% chi phí thủ tục hành chính; giải đáp vướng mắc phát sinh bảo đảm 90% hộ

kinh doanh ổn định cài đặt và sử dụng ứng dụng thuế điện tử trên thiết bị di động (eTaxMobile) và kê khai thuế điện tử.

Mặt khác, bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan Thuế được quản trị, vận hành bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục 24/7.

Song song đó, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng sử dụng hóa đơn điện tử, đẩy mạnh ứng dụng AI, Big Data để phân tích rủi ro, phát hiện gian lận; phối hợp các đơn vị chia sẻ dữ liệu.

Đặc biệt, xây dựng, triển khai “Đề án thành lập Trung tâm xử lý cơ sở dữ liệu người nộp thuế của Thuế thành phố Hồ Chí Minh”, phục vụ toàn diện cho công tác xây dựng dự toán, quản lý thu ngân sách nhà nước...

Ngoài ra, Thuế thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi sang hình thức kê khai từ ngày 01/01/2026. Cơ quan thuế lắng nghe, khảo sát để tháo gỡ các băn khoăn của người dân trong quá trình điều chỉnh.

Về phía lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Công Vinh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Thuế thành phố chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thu ngân sách năm 2026, bảo đảm sát thực tế, có tính dự báo cao, phấn đấu thu ngân sách nhà nước tăng ít nhất 10% so với ước thực hiện năm 2025; kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp điều hành phù hợp.

Bên cạnh đó, hỗ trợ và hướng dẫn chặt chẽ đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, nhất là trong quá trình chuyển đổi từ phương thức khoán sang phương thức kê khai, bảo đảm đúng quy định, đúng lộ trình, tạo sự đồng thuận và ổn định sản xuất, kinh doanh.

Đồng thời, duy trì và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý thuế; khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng chung để quản lý đồng bộ người nộp thuế và nguồn thu; xây dựng đội ngũ công chức thuế chuyên nghiệp, liêm chính, lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.

Nguồn: hanoimoi.vn

LÀO CAI: ĐẨY MẠNH NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Lào Cai thông báo và hướng dẫn việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Theo đó, Cổng Dịch vụ công Quốc gia là đầu mối tập trung tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính và đã được kết nối, liên thông với Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại

địa chỉ: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn> để phục vụ việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Việc triển khai nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia góp phần quan trọng trong việc rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tính công khai, minh bạch, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Sở Tài chính tỉnh Lào Cai đề nghị các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>. Các thủ tục được thực hiện theo hình thức trực tuyến bao gồm: đăng ký thành lập doanh nghiệp; đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tiếp tục bố trí cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ, thao tác nộp hồ sơ trực tuyến đối với lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp; thông tin liên hệ Phòng Doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Lào Cai, điện thoại 0216.3851691.

Sở Tài chính tỉnh Lào Cai đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các cơ quan báo chí, truyền thông tỉnh tăng cường phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung trên tới cộng đồng doanh nghiệp, góp phần triển khai hiệu quả công tác đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baolaocai.vn

BẮC NINH: 100% XÃ, PHƯỜNG “PHỦ XANH” VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

Theo Sở Khoa học và Công nghệ, cập nhật mới nhất từ Hệ thống theodoinq.dcs.vn, tới nay, 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh “phủ xanh” thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (giai đoạn 2) về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, hoàn thành đúng tiến độ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Theo đó, 99 xã, phường đáp ứng ở mức 100% đối với 92 chỉ tiêu được giao cho cả 4 khối. Đảng ủy có 18 /18 tiêu chí; Hội đồng nhân dân 17/17 tiêu chí; Ủy ban nhân dân 34/34; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc 23/23 tiêu chí.

Một số tiêu chí đã được đơn đốc đẩy nhanh tiến độ như sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức phục vụ công tác tổ chức, nhân sự trong cơ quan Đảng; ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống; ban hành các quy định, quy chế liên quan, nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị hiện nay; bố trí kinh phí cho chuyển đổi số; kế hoạch giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân

đối với công tác chuyển đổi số; Mặt trận Tổ quốc tổng hợp và phản ánh các kiến nghị, ý kiến của Nhân dân liên quan đến chuyển đổi số tới Ủy ban nhân dân xã hoặc cấp trên...

Trước đó, tỉnh Bắc Ninh cũng hoàn thành đúng hạn 16/16 tiêu chí của giai đoạn 1. Đồng thời, xếp thứ 2 cả nước về tỷ lệ thực hiện đúng hạn đối với 167 nhiệm vụ được Trung ương giao, theo dõi, giám sát trên hệ thống nq57.vn.

Theo ông Nguyễn Gia Phong, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, để duy trì kết quả “phủ xanh” và thực hiện các nhiệm vụ được giao về thúc đẩy chuyển đổi số ở giai đoạn tiếp theo, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương báo cáo, rà soát, cập nhật dữ liệu kịp thời trên Hệ thống theodoi.nq.dcs.vn. Tuy nhiên, các địa phương cần nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, yêu cầu bộ phận chuyên môn bám sát, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, bảo đảm chất lượng theo đúng yêu cầu để kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; không để chậm muộn, sót việc, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chung của tỉnh.

Nguồn: baobacninh.tv.vn

NINH BÌNH: TẬP TRUNG THÁO GỠ KHÓ KHĂN, THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TƯ NHÂN

Theo tổng hợp của các ngành chức năng, kinh tế tư nhân đóng góp hơn 45% tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và sử dụng khoảng 55% lao động. Tuy vậy, trong quá trình hoạt động, khối kinh tế tư nhân cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức như: Thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường, kỹ năng quản trị doanh nghiệp hạn chế... ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Để hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo các ngành và địa phương tích cực vào cuộc, rà soát, nắm bắt những kiến nghị của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng và địa phương kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, xác định rõ trách nhiệm của từng sở, ngành, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tìm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp. Các sở, ban, ngành trong tỉnh đã hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, tiêu thụ sản phẩm; triển khai nhiều giải pháp kích cầu tiêu dùng. Các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh chủ động khảo sát nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh xây dựng kế hoạch giải ngân và tháo gỡ khó khăn về tín dụng.

Cùng với tháo gỡ khó khăn về thiếu nguồn nguyên vật liệu xây dựng và từng bước bình ổn giá vật liệu xây dựng, tỉnh cũng đã tập trung hỗ trợ về: Thủ tục hành chính; giá thuê mặt bằng sản xuất; phát triển nguồn nhân lực; thông tin, tư vấn, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp; bố trí quỹ đất sạch cho các nhà

đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất theo nhóm, nhằm giảm chi phí vận chuyển hàng hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất; chủ động kết nối các doanh nghiệp, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm của nhau; kịp thời hỗ trợ và vận động các doanh nghiệp tập trung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.

Ông Nguyễn Thành Trung, Phó Giám đốc Chi nhánh Agribank Hà Nam II cho biết: Để tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn cho khách hàng, đơn vị đã tập trung thực hiện Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; phối hợp với một số sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh để cung cấp thông tin về nhu cầu vốn của các doanh nghiệp... nhằm chủ động về nguồn vốn mở rộng đầu tư tín dụng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh cũng như xem xét, giải quyết đề nghị của khách hàng.

Đồng thời, Chi nhánh cũng thường xuyên rà soát từng khoản vay của doanh nghiệp, cân đối lại vốn, hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn cơ cấu lại thời gian trả nợ, giảm lãi suất, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Nhiều khách hàng sau khi được cơ cấu lại thời gian trả nợ đã từng bước phục hồi, duy trì sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động.

Còn ông Nguyễn Xuân Luật, Giám đốc Công ty TNHH Minh Luật, Phó Chủ tịch Hội Doanh nghiệp xã Bình Sơn cho hay: Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho khối kinh tế tư nhân như tập trung bố trí vốn trả nợ cho các doanh nghiệp xây dựng, giảm các thủ tục hành chính liên quan, từng bước bình ổn giá vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, hiện nay một số doanh nghiệp xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước vẫn chịu nhiều áp lực về giá vật liệu tăng cao, chủ đầu tư nợ đọng vốn kéo dài, trong khi đó Nhà nước điều chỉnh giá vật liệu xây dựng có thời điểm chưa sát với giá thị trường.

Để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt về thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tập trung vào cuộc, thường xuyên nắm bắt thông tin từ phía doanh nghiệp, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh. Đến nay, về kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt trên 98%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 75%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 90,81%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 36,84%.

Theo kế hoạch đến năm 2030, toàn tỉnh phấn đấu có khoảng 34 nghìn doanh nghiệp hoạt động, thu từ khu vực kinh tế tư nhân chiếm khoảng 55% tổng thu ngân sách. Để tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng thường xuyên gặp gỡ, lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp.

Tỉnh cũng chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường của doanh nghiệp, xây dựng thực hiện các bộ thủ tục hành chính. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị bãi bỏ các quy định không còn phù hợp hoặc đang làm hạn chế doanh nghiệp để giảm thiểu thời gian và chi phí ra nhập thị trường cho doanh nghiệp. Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tập trung giải phóng mặt bằng sạch, xây

dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp thu hút doanh nghiệp vào hoạt động. Các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh để doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy kinh tế tư nhân tăng trưởng.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

THANH HÓA: CHUYÊN NGHIỆP HÓA HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

Hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đóng vai trò quan trọng khi có mặt trong hầu hết các giao dịch dân sự, thương mại của đời sống kinh tế - xã hội. Theo đánh giá của Sở Tư pháp, thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực công chứng, Thanh Hóa hiện có 59 tổ chức hành nghề công chứng với 131 công chứng viên. Mạng lưới các tổ chức hành nghề công chứng được phân bố hợp lý theo địa bàn, tạo thuận lợi cho người dân trong các giao dịch.

Tổ chức bộ máy của các tổ chức hành nghề công chứng ngày càng chuyên nghiệp hóa, được bố trí từ 2 - 3 công chứng viên và các nhân viên pháp lý, kế toán, văn thư lưu trữ... Diện tích, trụ sở làm việc, kho lưu trữ tài liệu, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được đầu tư đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Các tổ chức hành nghề công chứng đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động, thực hiện số hóa hồ sơ công chứng. Năm 2025, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh đã thực hiện hơn 250.000 việc (trong đó có hơn 210.000 hợp đồng giao dịch về bất động sản, hơn 39.000 giao dịch khác); chứng thực bản sao gần 400.000 bản; chứng thực chữ ký hơn 61.000 việc...; thu phí công chứng hơn 88,6 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước hơn 7,7 tỷ đồng.

Đặc biệt, từ khi Luật Công chứng 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, hoạt động công chứng tại Thanh Hóa đã ghi nhận nhiều chuyển biến. Công tác quản trị, điều hành tổ chức, hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng được cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hơn, phục vụ người dân nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định pháp luật, đảm bảo an toàn pháp lý cho các giao dịch, hợp đồng dân sự, kinh tế, thương mại. Sở Tư pháp đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 64/QĐ-BTP ngày 9/4/2025 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Công chứng; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, bảo đảm các quy định mới được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Năm 2025, Sở Tư pháp đã tổ chức 5 hội nghị phổ biến những nội dung cơ bản của Luật Công chứng đến cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn 28 xã, phường với hơn 1.600 người tham dự; phối hợp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động công chứng để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Công chứng và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu, việc triển khai Luật Công chứng 2024 trong giai đoạn hiện nay cũng đang bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cả về thể chế lẫn tổ chức thực hiện. Việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng theo Luật Công chứng 2024 gặp nhiều bất cập trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Nguồn nhân lực công chứng cũng đứng trước nguy cơ thiếu hụt khi nhiều công chứng viên lớn tuổi sẽ đương nhiên miễn nhiệm trong thời gian tới, trong khi việc kiểm tra, bổ sung công chứng viên mới chưa kịp thời, có thể khiến một số tổ chức hành nghề phải dừng hoạt động. Luật Công chứng 2024 cũng chưa có quy định cụ thể cho phép công chứng viên được quyền trực tiếp truy cập, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành; việc xác minh hiện nay phụ thuộc chủ yếu vào giấy tờ do người yêu cầu công chứng cung cấp. Phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ công chứng có những tính năng chưa được cập nhật kịp thời...

Bà Trần Thị Hồng Lê, Phó trưởng Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, cho rằng: “Sau khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, đa số các đơn vị hành chính cấp xã có quy mô lớn hơn về diện tích, dân số, khối lượng công việc nhiều hơn. Thực tiễn tại nhiều địa phương cho thấy tình trạng quá tải trong tiếp nhận và giải quyết yêu cầu chứng thực, nhất là tại các đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số lớn sẽ tạo áp lực lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ chứng thực giao dịch, ảnh hưởng đến thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Do đó, cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng để giảm tải cho Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm các giao dịch được thực hiện thuận lợi, nhanh chóng, đảm bảo an toàn pháp lý và phù hợp với năng lực thực tế của các tổ chức hành nghề công chứng. Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong hoạt động công chứng; áp dụng hồ sơ công chứng điện tử và chế độ lưu trữ số; cho phép công chứng viên được tra cứu thông tin từ các cơ sở dữ liệu dùng chung để thực hiện hoạt động công chứng.

Công chứng là một nghề khá đặc biệt. Mỗi điểm nghẽn nhỏ trong quy trình công chứng đều có thể kéo dài thời gian giao dịch và phát sinh chi phí. Vì vậy, chuyên nghiệp hóa hoạt động công chứng là yêu cầu tất yếu để cải thiện toàn diện chất lượng dịch vụ, bảo đảm an toàn pháp lý của các giao dịch dân sự, kinh tế, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Nguồn: baothanhhoa.vn

HUẾ: NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ NHÀ NƯỚC THEO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Ngày 15/01/2026, Sở Nội vụ tổ chức tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026. Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Khắc Toàn dự và chỉ đạo hội nghị.

2025 là năm bản lề vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong bối cảnh khối lượng công việc lớn, nhiều nhiệm vụ mới, phức tạp phát sinh, Sở Nội vụ đã phát huy rõ vai trò cơ quan tham mưu nòng cốt, góp phần bảo đảm bộ máy chính quyền các cấp hoạt động ổn định, thông suốt.

Năm 2025, Sở Nội vụ tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành 23 văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời tham mưu ban hành 91 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai đồng bộ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Cùng với công tác thể chế, việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế được triển khai đồng bộ, thận trọng nhưng quyết liệt. Nhiều nhiệm vụ lớn đã được thực hiện như kiện toàn các đơn vị sự nghiệp, điều chuyển và bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động quản lý, phục vụ Nhân dân, nhất là ở cấp cơ sở.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục tạo chuyển biến rõ nét, 100% tồn tại qua kiểm tra được khắc phục; lĩnh vực lao động - việc làm đạt kết quả tích cực với hơn 18.200 lao động được giải quyết việc làm, vượt kế hoạch; công tác chăm lo người có công được triển khai kịp thời, hiệu quả, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Năm 2026, Sở Nội vụ xác định tập trung cao độ cho việc hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Trọng tâm là tiếp tục tham mưu sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; rà soát, hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; thực hiện kịp thời công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ và triển khai chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

Trong công tác xây dựng chính quyền, Sở Nội vụ tập trung tham mưu tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; hướng dẫn sắp xếp thôn, tổ dân phố sau khi có chỉ đạo của Trung ương; giải quyết dứt điểm chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp bộ máy.

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Khắc Toàn đánh giá cao vai trò, trách nhiệm của Sở Nội vụ trong tham mưu tổ chức, vận hành hiệu quả bộ máy chính quyền thành phố trong năm đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đồng thời ghi nhận sự chủ động, kịp thời trong xử lý nhiều vấn đề lớn, phức tạp, góp phần giữ vững sự ổn định, thông suốt của hệ thống chính quyền từ thành phố đến cơ sở.

Nhấn mạnh 2026 là năm tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Khắc Toàn yêu cầu Sở Nội vụ tập trung cao độ cho nhiệm vụ sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; rà soát, hoàn

thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, khắc phục tình trạng chồng chéo, né tránh trong thực thi công vụ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố lưu ý cải cách hành chính phải tiếp tục được đặt ở vị trí trọng tâm, gắn chặt với chuyển đổi số, kỷ luật, kỷ cương hành chính; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Đồng thời, cần tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn mới.

Nguồn: huengaynay.vn

QUẢNG TRỊ: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN, ĐƯA CHÍNH QUYỀN GẦN DÂN

Sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh Quảng Trị chủ động triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, bảo đảm quản lý thống nhất, không để gián đoạn, chồng chéo hay bỏ sót công việc. Việc tinh gọn bộ máy, giảm các tầng nấc trung gian không chỉ nâng cao hiệu quả điều hành mà còn rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền với nhân dân.

Tại nhiều địa phương trong tỉnh, cơ chế “một cửa” liên thông gắn với chuyển đổi số đang từng bước xóa bỏ rào cản thủ tục, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo năng lực của bộ máy hành chính.

Ông Phạm Đình Thuận, người dân ở thôn Tâm Đăng, xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị đánh giá: “Từ khi sáp nhập xã, tôi đến làm thủ tục nhiều lần, thấy cán bộ rất tận tình, giải quyết giấy tờ nhanh gọn, người dân chúng tôi cảm thấy yên tâm”.

Thời gian gần đây, xã Đồng Lê đã đầu tư nâng cấp bộ phận một cửa với hệ thống thiết bị tra cứu, lấy số tự động, khu vực chờ, bảo đảm thuận lợi cho người dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ được đẩy mạnh, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, nâng cao hiệu quả công việc của cán bộ.

Theo ông Đinh Tiến Dũng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị, địa phương này có diện tích lớn, dân số đông, hoạt động kinh tế sôi động nên khối lượng hồ sơ hành chính luôn ở mức cao. “Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, chúng tôi tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ công chức tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã, đáp ứng được yêu cầu về giao dịch, tiếp nhận hồ sơ thông suốt, hiệu quả hơn”, ông Đinh Tiến Dũng cho biết.

Tiếp công dân là nhiệm vụ thường xuyên của chính quyền cơ sở nhằm kịp thời lắng nghe, giải quyết kiến nghị chính đáng của nhân dân. Đối với những địa bàn rộng, dân cư phân tán, việc người dân phải đi xa hàng chục cây số để đến trụ sở hành chính còn nhiều khó khăn. Từ thực tế đó, xã Kim Phú lựa chọn cách làm linh hoạt, không chờ dân lên xã mà chủ động về tận thôn, bản để tiếp dân, đối thoại và giải quyết ngay từ cơ sở.

Kim Phú là xã có nhiều khu dân cư cách xa trung tâm hành chính từ 15km–20km. Vào thứ tư hằng tuần, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cùng các cán bộ chuyên môn trực tiếp xuống thôn, bản tiếp công dân. Các buổi làm việc tập trung vào những vấn đề người dân quan tâm như đất đai, sản xuất, chính sách xã hội, an sinh đời sống.

Ông Hoàng Tự Quốc Hùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho biết, nội dung nào thuộc thẩm quyền cấp xã sẽ được xử lý ngay; những vấn đề phức tạp được ghi nhận, tổng hợp để giải quyết theo quy định: “Thay vì tiếp công dân cố định tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã vào thứ 4 hàng tuần thì chúng tôi đi tiếp công dân tại những địa điểm dân cư xa. Qua đó, chúng tôi thấy bà con đến đông hơn, trình bày những vấn đề cụ thể hơn, cùng với các cơ quan chuyên môn, từ đó chúng tôi đã kịp thời giải quyết ngay tại chỗ nhiều vấn đề”.

Quá trình cải cách hành chính, chuyển đổi số ở cơ sở hiện vẫn còn không ít khó khăn. Một số xã thiếu cán bộ chuyên trách, nhất là trong lĩnh vực hành chính công và công nghệ thông tin. Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, trang thiết bị còn thiếu, mạng truyền dẫn đến nay vẫn chưa ổn định.

Để người dân từng bước tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, cán bộ xã vừa tiếp nhận hồ sơ giấy vừa trực tiếp hướng dẫn thao tác trên điện thoại thông minh. Với người cao tuổi hoặc không sử dụng thiết bị thông minh, cán bộ sẽ hỗ trợ tạo tài khoản, nộp hồ sơ giúp người dân. Nhiều xã miền núi còn thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng, “đi từng ngõ, gõ từng nhà” hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, đồng thời tuyên truyền lợi ích của chuyển đổi số.

Chuyển đổi số không còn là nhiệm vụ riêng của ngành công nghệ mà là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu phục vụ; chuyển từ “làm cho có” sang “làm cho hiệu quả”, từ “số hóa hồ sơ” sang “khai thác dữ liệu”.

Ông Lê Hồng Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cho biết, tỉnh tập trung hoàn thành các nhiệm vụ chưa đạt; tăng tốc số hóa, làm sạch dữ liệu chuyên ngành; khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm thực chất thủ tục hành chính; tích hợp dữ liệu dùng chung, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công; đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

“Chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền có bước tiến rõ nét, chính quyền số tiếp tục đẩy mạnh, nhất là việc cung ứng các dịch vụ công và xử lý công việc trên môi trường mạng. Cải cách hành chính tiếp tục được triển khai đồng bộ, không bị gián đoạn trong bối cảnh khối lượng công việc tăng cao. Kết quả của năm 2025 là tiền đề quan trọng và tạo nền tảng để tỉnh Quảng Trị bước sang giai đoạn phát triển mới, trong đó chuyển đổi số dữ liệu và công dân số giữ vai trò then chốt”, ông Lê Hồng Vinh cho biết.

Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nêu rõ: “Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính”; “Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất mới, trọng tâm phát triển kinh tế số, kinh tế xanh”. Cụ thể hóa tinh thần đó, tỉnh Quảng Trị bảo đảm ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai chuyển đổi số đồng bộ trên 3 trụ cột: chính

quyền số, kinh tế số, xã hội số; ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng xanh, phát thải thấp và đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nguồn: vov.vn

KHÁNH HÒA CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

Ngày 14/01/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quyết định phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC – PAR Index) năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả công bố, trong tổng số 91 cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc 4 khối được đánh giá và xếp hạng, có 54 đơn vị xếp loại tốt, 19 đơn vị xếp loại khá và 18 đơn vị xếp loại trung bình, không có đơn vị xếp loại yếu.

Đáng chú ý, có 29 đơn vị đạt chỉ số cải cách hành chính trên 90%, cho thấy những chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Ở khối các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp xếp hạng cao nhất với chỉ số cải cách hành chính đạt 93,01%, đứng đầu toàn khối.

Tiếp theo là Sở Nội vụ (92,60%) và Sở Khoa học và Công nghệ (91,43%). Trong khối này, Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị duy nhất xếp loại khá, với chỉ số đạt 77,81%.

Đối với khối cơ quan ngành dọc, Thuế tỉnh Khánh Hòa dẫn đầu với chỉ số cải cách hành chính đạt 90,99%, tiếp đến là Công an tỉnh Khánh Hòa (90,27%) và Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa (89,66%). Cả 3 đơn vị đều được xếp loại tốt.

Trong khối các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý dự án phát triển tỉnh đạt chỉ số cao nhất, 95,55%. Đây cũng là đơn vị có chỉ số cải cách hành chính cao nhất trong toàn bộ bảng xếp hạng.

Các đơn vị tiếp theo gồm Trường Đại học Khánh Hòa (94,54%) và Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (93,92%).

Ở khối Ủy ban nhân dân các xã, phường, Ủy ban nhân dân phường Bắc Cam Ranh dẫn đầu với chỉ số cải cách hành chính đạt 94,7%, tiếp đến là UBND phường Nha Trang (93,10%) và Ủy ban nhân dân xã Khánh Vĩnh (92,86%).

Toàn khối có 31 xã, phường xếp loại tốt, 15 đơn vị xếp loại khá và 18 đơn vị xếp loại trung bình. Trong đó có 2 xã, phường đạt 60 điểm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa yêu cầu lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần cải thiện hiệu quả quản lý Nhà nước và môi trường hành chính công trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời giao Sở Nội vụ căn cứ kết quả chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính để tham mưu UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính.

Nguồn: laodong.vn

GIA LAI: LAN TỎA TINH THẦN “MỖI NGÀY LÀM MỘT VIỆC TỐT VÌ NHÂN DÂN”

Tại Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh (Công an tỉnh Gia Lai), tinh thần “gần dân nhất” được cụ thể hóa bằng những việc làm giản dị nhưng đầy trách nhiệm. Không chỉ hướng dẫn thao tác trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, mỗi hồ sơ được giải quyết là sự tận tụy, linh hoạt của cán bộ làm nhiệm vụ.

Hiện nay, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh bố trí cán bộ tiếp dân tại 2 địa điểm: Trụ sở số 41 Hai Bà Trưng (phường Quy Nhơn) và số 267A Trần Phú (phường Diên Hồng).

Các tổ tiếp dân đã quen với việc thường xuyên làm ngoài giờ hành chính để xử lý hồ sơ kịp thời cho công dân. Riêng tại trụ sở phường Diên Hồng, đơn vị phân công 2 cán bộ thường trực tiếp dân, trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục liên quan đến xuất nhập cảnh.

Việc bố trí cán bộ thường xuyên tại đây nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, nhất là người lớn tuổi, bà con ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa quen sử dụng công nghệ thông tin, chưa thành thạo thao tác nộp hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu qua dịch vụ công trực tuyến.

Từ ngày 01/01/2026 đến nay, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh đã tiếp nhận hơn 520 hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu hợp lệ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Ghi nhận tại trụ sở tiếp dân phường Diên Hồng, vào những ngày cao điểm, mỗi ngày có từ 20-30 lượt công dân đến liên hệ giải quyết thủ tục. Việc đơn vị linh hoạt phân công cán bộ, tận tình hướng dẫn, hỗ trợ đã nhận được sự đồng tình, đánh giá cao của nhân dân.

Mới đây, bà Nguyễn Thị Duyên (trú xã Chư Sê) đã gửi thư tay dài 4 trang để cảm ơn Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh. Trong thư, bà Duyên chia sẻ kỷ niệm khó quên trong lần cùng 4 người bạn đi làm hộ chiếu.

Bà Duyên kể, ngày 31/10/2025, nhóm của bà đi xe máy hơn 50 km từ xã Chư Sê đến trụ sở tiếp dân tại phường Diên Hồng để làm thủ tục cấp hộ chiếu. Khi đến nơi đã gần cuối giờ làm việc, lượng công dân chờ giải quyết hồ sơ còn khá đông, trong khi hồ sơ của nhóm lại phát sinh vướng mắc.

Thư viết: “Trước đó, chúng tôi đã làm hồ sơ xin cấp hộ chiếu nhưng không cập nhật tin nhắn để nộp lệ phí. Cán bộ phải kiểm tra lại thông tin, hủy hồ sơ cũ và hướng dẫn làm lại hồ sơ mới. Chúng tôi rất lo vì đã sắp hết giờ hành chính, sợ phải quay lại vào ngày hôm sau”.

Tuy nhiên, điều khiến nhóm công dân xúc động là dù đã hết giờ làm việc, cán bộ Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh vẫn nán lại để xử lý hồ sơ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, toàn bộ thủ tục của 5 công dân được hoàn tất, chỉ còn chờ ngày nhận hộ chiếu tại nhà.

Người trực tiếp hỗ trợ nhóm bà Duyên là Trung tá Võ Thị Lệ Thu - Cán bộ tiếp dân Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh. Trung tá Thu cho biết, dù đã muộn nhưng vì muốn người dân không phải vất vả đi lại nhiều lần, tôi hướng dẫn để các cô hoàn tất thủ tục, đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính để hộ chiếu được chuyển về tận nhà”.

Cùng với việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh còn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xuất nhập cảnh; chú trọng hướng dẫn người dân truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

Thượng tá Rơ Mah Nam - Trưởng Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh - cho hay, đơn vị đang tích cực thực hiện phong trào thi đua “Ba nhất: Kỷ luật nhất - Trung thành nhất - Gần dân nhất”. Trong đó, mỗi cán bộ, chiến sĩ được quán triệt biến khẩu hiệu thi đua thành hành động cụ thể, thường xuyên trong công tác, coi đây là thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi chú trọng kịp thời biểu dương, nhân rộng những cách làm hay, những việc làm vì nhân dân, lan tỏa tinh thần “Mỗi ngày một việc tốt vì nhân dân” trong toàn đơn vị.

Nguồn: baogialai.vn

ĐỒNG THÁP THÊM 13 ĐIỂM CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE TẠI CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG

Từ ngày 12/01/2026, Công an tỉnh Đồng Tháp triển khai thêm 13 điểm tiếp nhận hồ sơ cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe tại các công an xã, phường trên địa bàn tỉnh, nâng tổng số điểm cấp đổi giấy phép lái xe lên 27 điểm.

Theo thông tin từ Công an tỉnh Đồng Tháp, việc mở rộng mạng lưới điểm tiếp nhận hồ sơ nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, rút ngắn thời gian đi lại cho người dân trong quá trình làm thủ tục đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

Trước đó, toàn tỉnh đã triển khai 14 điểm cấp, đổi giấy phép lái xe. Với 13 điểm mới được bổ sung, người dân tại các địa phương sẽ có thêm nhiều lựa chọn để làm thủ tục ngay tại cơ sở gần nhà, không cần di chuyển xa đến trung tâm hành chính tỉnh.

Danh sách 13 điểm tiếp nhận hồ sơ mới gồm: Phòng Cảnh sát giao thông, Công an xã Long Khánh, Công an xã Tân Long, Công an xã Long Phú Thuận, Công an xã Tân Phú Đông, Công an xã Cái Bè, Công an xã Châu Thành, Công an xã Tân Hòa, Công an xã Bình Phú, Công an xã Chợ Gạo, Công an xã Tân Phước 1, Công an phường Bình Xuân và Công an phường Cai Lậy.

Tại mỗi điểm cấp, đổi giấy phép lái xe đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy móc cần thiết, đảm bảo quy trình làm việc diễn ra thông suốt và hiệu quả. Những thông tin về dịch vụ

công, quy trình làm thủ tục cấp, đổi giấy phép lái xe được niêm yết công khai, rõ ràng, giúp người dân dễ dàng nắm bắt và thực hiện.

Thời gian làm việc tại các điểm tiếp nhận từ thứ Hai đến hết buổi sáng thứ Bảy hàng tuần. Cụ thể, buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00.

Việc triển khai thêm các điểm tiếp nhận tại cấp xã, phường được đánh giá là giải pháp thiết thực, giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, đồng thời góp phần hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Nguồn: baodongthap.vn

PHÁT HUY TRÍ TUỆ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG DỰ THẢO VĂN KIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định tầm nhìn chiến lược cho giai đoạn phát triển mới của đất nước, nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy và khai mở các nguồn lực để tạo bứt phá. Trong đó, trí tuệ con người Việt Nam được đặt ở vị trí trung tâm, là động lực then chốt nâng cao năng lực tự chủ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức. Phát huy trí tuệ con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới có ý nghĩa chiến lược, xây dựng một Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, tự chủ và hùng cường.

Trí tuệ con người - nền tảng hình thành, phát triển sức mạnh dân tộc

Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, trí tuệ là yếu tố trung tâm hình thành nên sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam. Từ buổi đầu lập quốc, dân tộc ta phải đối mặt với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thường xuyên bị ngoại xâm đe dọa. Hoàn cảnh đó đã hun đúc nên bản lĩnh, óc sáng tạo và khả năng thích ứng linh hoạt của con người Việt Nam. Trí tuệ không chỉ biểu hiện ở tri thức, mà còn ở tầm nhìn, sự mưu lược và khả năng ứng biến trước thử thách. Theo đó, nhờ phát huy trí tuệ, dân tộc Việt Nam đã vượt qua mọi gian khó để tồn tại, phát triển, khẳng định vị thế quốc gia - dân tộc trong lịch sử nhân loại. Trí tuệ Việt Nam được thể hiện sinh động qua nghệ thuật quân sự, tài ngoại giao và tư duy trị nước của các thế hệ tiền nhân. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938, ba lần đại phá quân Nguyên - Mông thế kỷ XIII, chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đại thắng mùa Xuân năm 1975... cho thấy tầm cao trí tuệ của dân tộc. Đó là trí tuệ biết lấy ít thắng nhiều, biết chọn thời cơ, biết vận dụng linh hoạt chiến lược “đĩ đoản chế trường”. Trí tuệ Việt Nam được thể hiện ở tư duy nhân nghĩa, dân làm gốc, lấy lòng người làm sức mạnh. Nhờ đó, dân tộc ta đã tạo nên bản lĩnh văn hóa riêng, lấy chính nghĩa thắng hung tàn, lấy trí tuệ để bảo vệ độc lập, tự do và hòa bình.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trí tuệ là nhân tố quyết định để dân tộc giành và giữ độc lập, phát triển bền vững. Người khẳng định: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”⁽¹⁾. Theo Người, trình độ dân trí không chỉ phản ánh năng lực tri thức, mà còn thể hiện sức mạnh chính trị, khả năng tự chủ và tầm vóc văn hóa của dân tộc. Vì vậy, Người đặt vấn đề giáo dục, học tập, nâng cao dân trí là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Người viết: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”⁽²⁾. Những lời dạy trên thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về trí tuệ như một giá trị cốt lõi bảo đảm cho độc lập dân tộc và phát triển xã hội. Tư tưởng “nâng cao dân trí” của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở việc phổ cập kiến thức, mà còn là quá trình khơi dậy năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và hành động có trách nhiệm của mỗi người dân. Người coi tri thức là ánh sáng soi đường cho lòng yêu nước, là yếu tố chuyển hóa ý chí thành hành động, biến khát vọng thành hiện thực. Chính nhờ đề cao trí tuệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trí tuệ con người Việt Nam không chỉ tồn tại trong các bậc anh hùng, danh nhân, mà còn thấm sâu trong đời sống cộng đồng. Đó là trí tuệ của người nông dân làm nên hạt gạo nuôi sống đồng bào, điểm tựa vững chãi cho mọi thăng trầm của đất nước; là trí tuệ của người thợ biết sáng tạo trong từng công cụ, nghề nghiệp; là trí tuệ của các thế hệ trí thức Việt Nam tiếp thu tinh hoa nhân loại để phụng sự dân tộc. Nói cách khác, trí tuệ là kết tinh của lao động, sáng tạo và nhân ái, ba yếu tố làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhờ đó, dân tộc ta luôn tìm thấy con đường đi riêng, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, biết “ứng vạn biến” nhưng vẫn giữ “cái bất biến”, giữ vững độc lập, chủ quyền và bản sắc. Nhìn lại lịch sử dân tộc có thể thấy, trí tuệ đã trở thành “mạch nguồn mềm” của sức mạnh Việt Nam. Đó là sức mạnh không phô trương nhưng bền bỉ, thâm sâu và có khả năng tái sinh để mạnh lên qua mọi biến cố.

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định, trí tuệ con người Việt Nam là một thành tố trọng yếu trong cấu trúc sức mạnh quốc gia, đồng thời là nền tảng để đất nước tiến mạnh trong kỷ nguyên mới. Trong các quan điểm chỉ đạo, Dự thảo nêu rõ cần “phát huy sức mạnh, bản lĩnh, trí tuệ của con người Việt Nam, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân”. Cách đặt trí tuệ bên cạnh bản lĩnh, đại đoàn kết và lòng dân cho thấy đây không chỉ là một phẩm chất cá nhân mà là một yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc, có vai trò chi phối mọi bước phát triển của đất nước. Tư duy này tiếp tục được làm rõ khi trong dự thảo nhận định Việt Nam đang đứng trước “bước ngoặt mới, vận hội mới mang tính lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Việc xác định “bước ngoặt” đồng nghĩa với yêu cầu phải tạo ra đột phá về tư duy, mô hình và nguồn lực phát triển. Trong đó, trí tuệ con người được xem là điều kiện quyết định để nhận diện đúng tình hình, tận dụng thời cơ, hóa giải thách thức và dẫn dắt quá trình đổi mới sáng tạo.

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế, dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng coi trí tuệ con người Việt Nam là nền tảng để hình thành động lực tăng trưởng mới. Dự thảo nêu yêu cầu “đẩy mạnh đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chủ động hội nhập quốc tế”, nhưng chính trí tuệ của con người mới là yếu tố quyết định khả năng tiếp thu, làm chủ và sáng tạo tri thức mới. Trong bối cảnh kinh tế thế giới vận động theo hướng kinh tế tri thức và kinh tế số, phát huy trí tuệ con người giúp Việt Nam chuyển từ tăng trưởng dựa vào tài nguyên và lao động sang tăng trưởng dựa vào năng lực sáng tạo, tư duy khoa học và chất lượng nhân lực. Khi trí tuệ được phát huy, khoa học - công nghệ mới thật sự trở thành động lực, năng suất lao động mới có thể tăng nhanh, nền kinh tế mới có thể tự chủ, thích ứng hiệu quả với những biến động của thế giới. Bởi vậy, theo tinh thần dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, phát triển kinh tế trong giai đoạn mới thực chất là phát huy trí tuệ con người Việt Nam - nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của quốc gia.

Cùng với phát triển kinh tế, trí tuệ con người Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu phải “kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Những nội dung này đặt ra yêu cầu đội ngũ cán bộ, đảng viên phải có trí tuệ sắc bén, có khả năng tư duy

khoa học, biết phân tích đúng xu thế, dự báo chính xác tình hình và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị. Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn coi trí tuệ của cán bộ là nhân tố quyết định vận mệnh của Đảng. Người nhiều lần nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”⁽³⁾ và cán bộ phải “vừa hồng vừa chuyên”, tức là phải có trí tuệ, có năng lực nắm bắt quy luật để lãnh đạo nhân dân thực hiện mục tiêu đất nước. Trong bối cảnh mới, trí tuệ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là yếu tố quyết định sức mạnh của hệ thống chính trị, khả năng đổi mới và tính hiệu quả của từng quyết sách phát triển.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, trí tuệ tiếp tục khẳng định vai trò quyết định. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nêu rõ nhiệm vụ “đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại” để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Điều này cho thấy, bảo vệ Tổ quốc trong thời đại công nghệ cao không chỉ dựa vào tiềm lực vật chất mà trước hết dựa vào năng lực làm chủ tri thức và công nghệ hiện đại. Sức mạnh quốc phòng hiện nay đòi hỏi người Việt Nam phải có trình độ tư duy chiến lược, có khả năng ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, nắm bắt các xu hướng công nghệ quân sự mới và sáng tạo trong tổ chức lực lượng. Trí tuệ trở thành yếu tố bảo đảm để quốc phòng Việt Nam giữ được thế chủ động, vững chắc trong bất kỳ tình huống nào.

Bên cạnh những đóng góp cho lĩnh vực kinh tế, chính trị và quốc phòng, trí tuệ còn là nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng khẳng định, phải “phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh”. Trí tuệ làm cho văn hóa trở thành sức mạnh mềm, giúp dân tộc ta hội nhập mà không hòa tan, tiếp thu tinh hoa nhân loại nhưng vẫn gìn giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp. Trí tuệ cũng khiến khát vọng phát triển trở thành động lực, tinh thần đoàn kết trở nên bền vững, và bản sắc Việt Nam được khẳng định trong dòng chảy toàn cầu hóa. Đây chính là “sức mạnh mềm” giúp đất nước vượt lên khỏi những thách thức của thời đại.

Những năm gần đây, trí tuệ con người Việt Nam ngày càng được khẳng định như một nguồn lực đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Năng lực tư duy, sáng tạo của thế hệ trẻ Việt Nam được khẳng định rõ nét qua thành tích tại các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế. Giai đoạn 2020 - 2025, các đội tuyển Việt Nam đi dự thi Olympic khu vực và quốc tế đã đem về cho Việt Nam 54 huy chương vàng, 60 huy chương bạc, 45 huy chương đồng cùng 14 bằng khen quốc tế⁽⁴⁾. Việt Nam liên tục nằm trong nhóm các quốc gia có thành tích cao về toán học, vật lý, hóa học, tin học, cho thấy tiềm năng phát triển trí tuệ của thế hệ trẻ đang được nuôi dưỡng bài bản và hiệu quả. Cùng với đó, năng lực hội nhập tri thức toàn cầu có bước phát triển mạnh mẽ. Hiện có gần 250.000 du học sinh Việt Nam đang học tập ở nước ngoài⁽⁵⁾, ở nhiều bậc học khác nhau, tiếp cận trực tiếp với những nền giáo dục tiên tiến, lĩnh vực khoa học - công nghệ hiện đại, các mô hình đổi mới sáng tạo toàn cầu. Đây là nguồn nhân lực trí tuệ có khả năng đóng góp lớn cho tiến trình phát triển trong thời gian tới. Bên cạnh lĩnh vực giáo dục, đội ngũ trí thức Việt Nam trong và ngoài nước ngày càng trưởng thành. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến năm 2025, Việt Nam hiện có hơn 26.000 tiến sĩ, gần 7.000 giáo sư và phó giáo sư⁽⁶⁾ đang làm việc trong các cơ sở nghiên cứu,

trường đại học và viện khoa học. Nhiều công trình nghiên cứu được ứng dụng trong thực tiễn, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế. Đáng chú ý, mạng lưới hơn 6 triệu người Việt Nam ở nước ngoài, trong đó có gần 600.000 trí thức và chuyên gia, đang trở thành nguồn lực trí tuệ có khả năng kết nối Việt Nam với trí thức toàn cầu. Những thành quả nêu trên thể hiện rõ sự chuyển biến về chất trong việc phát huy trí tuệ con người Việt Nam, góp phần tạo nền tảng quan trọng để đất nước thực hiện những mục tiêu chiến lược trong dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy trí tuệ con người Việt Nam còn một số hạn chế: 1- Một bộ phận nguồn nhân lực chất lượng cao chưa phát huy được năng lực do môi trường làm việc, điều kiện nghiên cứu và cơ chế trọng dụng nhân tài còn chưa đồng bộ. Việt Nam có số lượng du học sinh lớn, nhưng tỷ lệ quay trở về làm việc trong nước còn hạn chế. Đây là một biểu hiện của “chảy máu chất xám”, đang làm giảm hiệu quả khai thác nguồn lực trí tuệ của dân tộc. 2- Chất lượng giáo dục đại học và khoa học - công nghệ tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế trí thức. Tỷ lệ công bố khoa học quốc tế tuy tăng nhanh nhưng phân bố không đồng đều; năng lực tự chủ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ còn hạn chế; liên kết giữa viện - trường - doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả. 3- Đầu tư cho khoa học - công nghệ hiện chỉ chiếm khoảng 0,5% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 2,3% của thế giới⁽⁷⁾. 4- Trong lĩnh vực quản lý và hoạch định chính sách, trí tuệ của đội ngũ cán bộ chưa trở thành lợi thế nổi bật.

Giải pháp phát huy trí tuệ con người Việt Nam

Thứ nhất, cần đổi mới tư duy về phát triển con người, coi phát huy trí tuệ là trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia. Chính sách phát triển trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học - công nghệ cần được thiết kế theo hướng lấy con người làm trung tâm, lấy phát huy trí tuệ làm động lực chủ đạo cho tăng trưởng và phát triển bền vững. Giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức, mà phải trở thành quá trình nuôi dưỡng tư duy độc lập, tinh thần khai phóng và năng lực đổi mới sáng tạo. Mục tiêu cao nhất của giáo dục là hình thành những con người có nhân cách, trí tuệ, bản lĩnh, có khả năng thích ứng với sự biến động của thời đại và sẵn sàng cống hiến cho Tổ quốc. Để đạt được điều đó, cần xây dựng một hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với thực tiễn đời sống xã hội. Giáo dục phải trở thành chiếc cầu nối giữa tri thức và hành động, giữa lý luận và thực tiễn, để mỗi người học có thể vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tế. Cùng với đó, khuyến khích tinh thần học tập suốt đời, hình thành xã hội học tập thực chất, nơi mọi người dân đều có cơ hội phát triển năng lực trí tuệ, góp phần làm giàu tri thức dân tộc và thúc đẩy sự tiến bộ của đất nước.

Thứ hai, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế tạo điều kiện cho trí tuệ phát triển. Trí tuệ chỉ có thể trở thành động lực phát triển khi được nuôi dưỡng trong môi trường pháp lý minh bạch, khuyến khích sáng tạo và bảo vệ sự cống hiến. Việc cải cách thủ tục hành chính, củng cố kỷ cương điều hành, phát triển thị trường khoa học - công nghệ, nâng cao hiệu lực bảo hộ sở hữu trí tuệ và tạo cơ chế hỗ trợ mạnh mẽ cho đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp là yêu cầu cấp thiết. Khi thể chế được vận hành thông suốt, trí tuệ sẽ được chuyển hóa

thành các sáng kiến khoa học, thành công nghệ mới, thành sản phẩm giá trị cao và thành năng suất vượt trội, từ đó trực tiếp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế theo tinh thần “phát triển nhanh, bền vững” mà dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định.

Thứ ba, cần phát huy những thế mạnh chiến lược của Việt Nam để tạo ra đột phá trí tuệ, hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao trong trung hạn, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng hai con số. Việt Nam có lợi thế lớn về “dân số vàng”, truyền thống hiếu học, năng lực thích ứng nhanh với tri thức mới, độ mở kinh tế cao và vị trí địa kinh tế quan trọng trong khu vực đang phát triển năng động bậc nhất thế giới. Trên cơ sở đó, cần hình thành các trung tâm trí tuệ và đổi mới sáng tạo tầm khu vực tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và một số địa phương có tiềm năng. Những trung tâm này phải hội tụ đội ngũ chuyên gia hàng đầu, doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt, hệ thống đại học nghiên cứu mạnh và các nguồn lực tài chính có khả năng lan tỏa đổi mới sáng tạo trên quy mô quốc gia. Khi thế mạnh quốc gia được tập trung hóa thành động lực đổi mới, trí tuệ sẽ trở thành nguồn lực trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn mới.

Thứ ba, khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng cống hiến của mỗi người Việt Nam. Trí tuệ không thể phát huy trong môi trường thờ ơ, an phận hay sợ trách nhiệm. Vì vậy, cần tạo ra môi trường xã hội khuyến khích sáng tạo, tôn trọng khác biệt và đề cao giá trị của tri thức. Cần phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân, nhà khoa học; đồng thời, kết nối, quy tụ trí tuệ Việt Nam trên toàn cầu. Mạng lưới tri thức kiều bào phải trở thành cầu nối truyền tải công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tinh thần sáng tạo về cho Tổ quốc, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ tư, cần đổi mới mạnh mẽ cơ chế phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, coi đây là khâu đột phá trong phát huy trí tuệ Việt Nam. Nhân tài là tài sản đặc biệt của quốc gia, là nguồn lực chiến lược quyết định sức mạnh và tầm vóc phát triển của dân tộc. Cần xây dựng cơ chế phát hiện sớm, bồi dưỡng đúng hướng và sử dụng hiệu quả người có năng lực, phẩm chất và khát vọng cống hiến. Việc đánh giá, tuyển chọn và bổ nhiệm phải dựa trên tiêu chí năng lực thực tiễn, hiệu quả công tác, bảo đảm khách quan, minh bạch và công bằng. Đồng thời, cần hoàn thiện chính sách đãi ngộ, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sáng tạo và tôn vinh giá trị của tri thức. Trọng dụng nhân tài không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước, mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội trong việc nuôi dưỡng, phát huy và lan tỏa tinh hoa trí tuệ Việt Nam.

Thứ năm, phát huy trí tuệ phải gắn chặt với phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam hiện đại, giàu bản sắc. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là cội nguồn hình thành nhân cách, bồi đắp trí tuệ và khơi dậy khát vọng vươn lên của dân tộc. Một nền văn hóa tiên tiến, lành mạnh sẽ tạo nên môi trường xã hội ổn định, nuôi dưỡng năng lực sáng tạo và khuyến khích con người không ngừng hoàn thiện bản thân. Phát triển văn hóa phải đi đôi với phát triển con người, trong đó giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống có vai trò đặc biệt quan trọng. Cần xây dựng môi trường văn hóa thực chất, nơi giá trị của trung thực, nhân ái, tinh thần cầu thị và ý thức trách nhiệm được đề cao. Mỗi giá trị văn hóa được vun đắp không chỉ làm giàu đời sống tinh thần của xã hội mà còn góp phần tạo dựng nền tảng đạo đức, trí tuệ

cho sự phát triển bền vững của quốc gia. Phát huy trí tuệ Việt Nam trong kỷ nguyên mới vì thế phải bắt đầu từ việc củng cố sức mạnh văn hóa dân tộc. Khi văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của xã hội, trí tuệ con người Việt Nam sẽ có điều kiện nảy nở, lan tỏa và công hiến hiệu quả hơn cho sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong việc định hướng, khơi dậy và quy tụ trí tuệ dân tộc. Phát huy trí tuệ Việt Nam trong kỷ nguyên mới chính là phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng đất nước phát triển nhanh, bền vững, hùng cường và hạnh phúc.

Trí tuệ con người Việt Nam là tinh hoa của dân tộc, là ngọn nguồn tạo nên sức sống bền bỉ và khát vọng vươn lên của đất nước. Trải qua bao biến thiên lịch sử, chính trí tuệ đã giúp dân tộc ta biến gian khó thành cơ hội, biến thử thách thành động lực, khẳng định bản lĩnh và tầm vóc Việt Nam trên bản đồ thế giới. Trong kỷ nguyên của tri thức, kinh tế số và đổi mới sáng tạo, trí tuệ không chỉ là tài sản tinh thần mà còn là nguồn lực chiến lược quyết định tương lai dân tộc. Phát huy trí tuệ Việt Nam là phát huy khát vọng sáng tạo, tinh thần dấn thân và ý chí tự cường của mỗi con người Việt Nam; là khơi dậy sức mạnh nội sinh để đất nước phát triển nhanh, bền vững và tự tin sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Khi mỗi người Việt Nam được học tập trong một nền giáo dục tiên tiến, được làm việc trong một môi trường công bằng, nhân văn và được truyền cảm hứng cống hiến vì Tổ quốc, thì trí tuệ Việt Nam sẽ thực sự trở thành ngọn lửa soi đường cho dân tộc trên hành trình xây dựng đất nước hùng cường, phồn vinh và hạnh phúc.

Nguồn: tapchiconsan.org.vn

- (1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 7
- (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 208
- (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 309
- (4) Xem: Khánh Nguyễn: “5 năm qua, học sinh Việt Nam giành 54 Huy chương Vàng Olympic”, *Đài truyền hình Việt Nam*, ngày 21-5-2025, <https://vtv.vn/giao-duc/5-nam-qua-hoc-sinh-viet-nam-gianh-54-huy-chuong-vang-olympic-20250520233648316.htm>
- (5) Xem: Lê Trần Thanh Hà: “Du học sinh Việt Nam vững niềm tin với Đảng trước “ma trận” thông tin nơi xứ người - Bài 1: Hiểm họa từ những “bóng ma” xuyên tạc trên không gian mạng”, *Báo Quân đội nhân dân*, ngày 25-11-2025, <https://www.qdnd.vn/cuoc-thi-viet-vung-buoc-duoi-co-dang/du-hoc-sinh-viet-nam-vung-niem-tin-voi-dang-truoc-ma-tran-thong-tin-noi-xu-nguoi-bai-1-hiem-hoa-tu-nhung-bong-ma-xuyen-tac-tren-khong-gian-mang-1013727>
- (6) Xem: Thu Hằng: “Giáo dục đại học: Tỷ lệ giảng viên GS, PGS tăng đều, công bố quốc tế bứt phá”, *Báo điện tử Tiếng nói Việt Nam*, ngày 18-9-2025, <https://vov.vn/xa-hoi/giao-duc-dai-hoc-ti-le-giang-vien-gs-pgs-tang-deu-cong-bo-quoc-te-but-pha-post1230963.vov>
- (7) Xem: Trà My và Quang Huy: “Bài 1: Cần đột phá từ nhân lực và đầu tư cho R&D”, *Báo Nhân dân*, ngày 24-4-2025, <https://nhandan.vn/cung-co-noi-luc-de-but-pha-trong-ky-nguyen-so-can-dot-pha-tu-nhan-luc-va-dau-tu-cho-rd-post875370.html>

TỪ BẢN LĨNH VƯỢT KHÓ ĐẾN KHÁT VỌNG VƯỜN MÌNH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021 - 2026) khép lại với những dấu ấn lịch sử. Trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Thông tấn xã Việt Nam đã có cuộc phỏng vấn đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ về những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội XIII và định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Phóng viên: *Nhiệm kỳ Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh đặc biệt khắc nghiệt: khó khăn, thách thức nhiều hơn, lớn hơn và gay gắt hơn so với thời cơ, thuận lợi. Xin Phó Thủ tướng đánh giá khái quát về những kết quả toàn diện mà đất nước đã đạt được trong nhiệm kỳ lửa thử vàng này và đâu là những yếu tố then chốt tạo nên những kỳ tích đó?*

Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình: Nhiệm kỳ Đại hội XIII là một nhiệm kỳ đặc biệt, bắt đầu với những phép thử vô cùng khó khăn, nhất là đối với bản lĩnh và trí tuệ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Chúng ta bước vào nhiệm kỳ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, lan rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam; tiếp đó là những đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát thế giới tăng mạnh và các cuộc xung đột địa chính trị làm suy yếu nhiều nền kinh tế trên toàn cầu.

Nhưng chính trong gian khó, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam lại càng tỏa sáng. Với tinh thần biến nguy thành cơ, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, toàn diện của Đảng, sự điều hành quyết liệt của Chính phủ và sự chung sức, đồng lòng của toàn dân, chúng ta đã vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và đạt kết quả toàn diện trên nhiều lĩnh vực với 10 điểm sáng nổi bật:

Thứ nhất, kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc, tăng trưởng bứt phá, các cân đối lớn được bảo đảm. Năm 2025, GDP tăng ấn tượng 8,02%, đưa bình quân cả giai đoạn đạt mức cao hàng đầu khu vực (6,3%). Quy mô kinh tế đạt trên 514 tỷ USD (xếp thứ 32 thế giới), thu nhập bình quân đầu người vượt mốc 5.000 USD. Lạm phát được kiểm soát (3,31%), nợ công giảm còn 34,4% GDP, thu ngân sách đạt kỷ lục 2,65 triệu tỷ đồng (vượt 34%), khẳng định nội lực mạnh mẽ của nền kinh tế.

Thứ hai, thực hiện thành công cuộc cách mạng về tổ chức lại bộ máy, sắp xếp lại các đơn vị hành chính, bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đây là dấu ấn đặc biệt của cả nhiệm kỳ Đại hội XIII, qua sắp xếp đã mở ra không gian phát triển mới, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp gần dân, phục vụ dân tốt hơn và giảm mạnh số lượng đơn vị hành chính, cắt bỏ những tầng nấc trung gian: giảm 100% tổng cục, hơn 1.000 cục, vụ, khoảng 145.000 biên chế; giúp tiết kiệm chi thường xuyên khoảng 39.000 tỷ đồng/năm để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế với tư duy đột phá, kiến tạo phát triển. Công tác xây dựng pháp luật đã chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang kiến tạo, tháo gỡ điểm nghẽn. Trong nhiệm kỳ, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua khối lượng văn bản kỷ lục (178 luật, nghị quyết và pháp lệnh), trong đó có những đạo luật then chốt như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản. Đồng thời thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để theo tinh thần địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm; cắt giảm, đơn giản hóa gần 3.000 quy định kinh doanh, đưa Việt Nam vào nhóm các nước có môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn.

Thứ tư, hạ tầng chiến lược có bước phát triển vượt bậc. Hoàn thành 3.345 km đường bộ cao tốc, hơn 1.700 km đường ven biển, vượt chỉ tiêu Đại hội XIII đề ra, hình thành trục xương sống Bắc-Nam. Dần hoàn thiện mạng viễn thông, các hạ tầng số quan trọng và các hạ tầng kinh tế khác, chuẩn bị khởi công đường sắt tốc độ cao trong nhiệm kỳ tới.

Thứ năm, đổi mới mô hình tăng trưởng, kiến tạo những động lực mới cho kỷ nguyên vươn mình. Nền kinh tế đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ về chất, từ chiều rộng sang chiều sâu, tăng trưởng dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Kinh tế xanh và chuyển đổi năng lượng trở thành xu thế chủ đạo với cam kết mạnh mẽ về Net Zero. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký trong nhiệm kỳ đạt trên 184 tỷ USD; đã thu hút được các doanh nghiệp công nghệ lớn hàng đầu thế giới (như Samsung, Amkor, NVIDIA...) đầu tư vào bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, đưa Việt Nam dần trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ sáu, quyết liệt tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông các nguồn lực cho nền kinh tế. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ đã quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo xử lý những vấn đề tồn đọng kéo dài nhiều năm; tháo gỡ các vướng mắc pháp lý cho hàng loạt dự án năng lượng, công nghiệp thua lỗ, các ngân hàng yếu kém và hàng ngàn dự án bất động sản. Đến nay, đã có 3.289 dự án đất đai với tổng mức đầu tư khoảng 1,67 triệu tỷ đồng, quy mô sử dụng đất khoảng 70 nghìn ha được khơi thông, tiếp tục được đầu tư, tạo ra công ăn việc làm và đóng góp thiết thực cho tăng trưởng.

Thứ bảy, văn hóa thật sự soi đường, trở thành sức mạnh nội sinh và động lực phát triển. Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới được khơi dậy và lan tỏa mạnh mẽ. Công nghiệp văn hóa hình thành và khởi sắc, di sản và bản sắc văn hóa Việt Nam trở thành di sản thế giới, không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế mà còn trở thành niềm tự hào, hun đúc lòng yêu nước, ý chí tự cường và khát vọng cống hiến trong mỗi người dân.

Thứ tám, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm chăm lo an sinh xã hội với tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau. Đã hoàn thành việc xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trước 5 năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm sâu còn 1,3%. Mỗi năm đã dành hơn 1 triệu tỷ đồng cho hoạt động an sinh. Thu nhập và phúc lợi được cải thiện, chỉ số hạnh phúc quốc gia tăng 37 bậc.

Thứ chín, giáo dục và y tế tiên bộ vượt bậc, chất lượng cuộc sống được nâng cao. Hệ thống y tế phát triển rộng khắp, y tế cơ sở được tăng cường. Trong cuộc chiến chống dịch Covid-19, đã bảo vệ thành công tính mạng và sức khỏe của nhân dân; mặc dù Việt Nam là nước không sản xuất được vaccine nhưng đã tiêm phòng miễn phí cho toàn dân. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt tỷ lệ bao phủ trên 95%, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận công bằng với các dịch vụ cơ bản và thụ hưởng thành quả của sự phát triển. Tuổi thọ trung bình người dân đạt 74,8 tuổi. Đổi mới căn bản giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực có chuyển biến tích cực. Chúng ta đã quan tâm, dành nguồn lực thích đáng để xây dựng 248 trường nội trú liên cấp cho học sinh các xã biên giới nhằm nâng cao dân trí, chất lượng nhân lực, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện lộ trình miễn, giảm học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông.

Thứ mười, quốc phòng-an ninh được củng cố vững chắc, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt thành tựu quan trọng, có ý nghĩa chiến lược. Chúng ta đã xây dựng lực lượng quân đội, công an theo hướng tinh, gọn, mạnh, tiến thẳng lên hiện đại, đủ sức đối phó với mọi thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Xử lý sáng suốt các mối quan hệ quốc tế bất thường, phức tạp, giữ vững môi trường hòa bình để phát triển. Đến nay, Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, Đối tác chiến lược với hầu hết các cường quốc và đối tác chủ chốt trên thế giới. Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng lên, khẳng định vai trò là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, là đối tác tin cậy, đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới.

Có ba yếu tố then chốt tạo nên những thành tích ấn tượng này. Đầu tiên và quyết định nhất là sự lãnh đạo sáng suốt, bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược của Đảng, đặc biệt là sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư. Thứ hai là sự điều hành quyết liệt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của Chính phủ, luôn bám sát thực tiễn, phản ứng chính sách linh hoạt, kịp thời, hiệu quả trước mọi diễn biến, tình hình. Và thứ ba, quan trọng nhất chính là sự chung sức, đồng lòng, ủng hộ tuyệt đối của nhân dân, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy cao độ trong những thời khắc khó khăn nhất.

Phóng viên: Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, nhiều vấn đề mới, chưa có tiền lệ, vượt khả năng dự báo, đặt ra những bài toán vô cùng hóc búa. Chính phủ đã xử lý các vấn đề này rất kịp thời, hiệu quả. Từ thực tiễn sinh động và gian khổ ấy, Phó Thủ tướng có thể chia sẻ những bài học sâu sắc nhất rút ra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành?

Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình: Làm những việc đã có tiền lệ thì dễ, nhưng làm những việc chưa từng có tiền lệ, những việc khó, nhạy cảm, đụng chạm đến lợi ích của nhiều người thì vô cùng gian nan. Từ cuộc chiến chống dịch đến cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy, mỗi quyết định đưa ra đều phải cân nhắc kỹ lưỡng giữa được và mất, giữa cái trước mắt và cái lâu dài. Có thể rút ra 6 bài học kinh nghiệm về chỉ đạo, điều hành sau:

Một là, phải có tư duy mới, tầm nhìn chiến lược, bám sát thực tiễn và đặt lợi ích Quốc gia - Dân tộc lên trên hết. Bối cảnh thế giới biến đổi khôn lường đòi hỏi người lãnh đạo không được tư duy theo lối mòn, không được thỏa mãn với những kinh nghiệm cũ. Mọi quyết sách đều phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn và lấy thực tiễn làm thước đo. Đồng thời, phải có tầm nhìn chiến lược dài hạn, vượt qua lợi ích cục bộ trước mắt để hướng tới sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc.

Hai là, phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và hiệu quả. Khi đã có chủ trương đúng, phải thực hiện quyết liệt và khản trương, làm đến đâu chắc đến đó, không bàn lùi, chỉ bàn làm. Chính phủ phải gương mẫu làm trước, lan tỏa tinh thần dám nghĩ, dám làm xuống từng địa phương, cơ sở. Sự chần chừ làm mất cơ hội phát triển chính là có lỗi với nhân dân.

Ba là, luôn lấy nhân dân làm trung tâm, chủ thể; mọi quyết sách đều phải hướng tới bảo vệ dân, lo cho dân, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Đảng ta không có mục tiêu nào cao cả hơn mục tiêu giữ vững độc lập chủ quyền của đất nước, không ngừng chăm lo, nâng cao cuộc sống hạnh phúc của nhân dân. Trong đại dịch, sức khỏe và tính mạng của người dân là trên hết; trong bão lũ, sự an toàn của dân là trước hết; trong phát triển kinh tế, việc xóa nhà tạm, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho dân là nhiệm vụ trọng tâm. Chỉ khi người dân được thụ hưởng thành quả, sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Chính phủ mới thực sự thành công và bền vững.

Bốn là, chỉ đạo điều hành phải sâu sát, cụ thể theo nguyên tắc 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền. Thực tế cho thấy, ở đâu người đứng đầu sâu sát, quyết liệt, dám chịu trách nhiệm theo tinh thần 6 rõ thì ở đó công việc hoàn thành, điểm nghẽn được khơi thông.

Năm là, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, có lộ trình và thứ tự ưu tiên hợp lý. Trong bối cảnh nguồn lực đất nước còn hạn chế, nhu cầu đầu tư lại rất lớn, bài học về phân bổ nguồn lực là vô cùng quan trọng, phải chọn những khâu đột phá, những dự án có tính lan tỏa cao, tạo động lực dẫn dắt để tập trung đầu tư dứt điểm.

Sáu là, tăng cường công tác tư tưởng, tạo đồng thuận trong nhân dân. Công tác truyền thông chính sách phải đi trước một bước để cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội. Khi người dân hiểu sâu sắc rằng mọi quyết sách của Chính phủ đều vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, vì chính cuộc sống của người dân thì họ sẵn sàng chia sẻ, đồng hành và ủng hộ. Việc hoạch định, thực thi chính sách phải thấu tình đạt lý, giải quyết thỏa đáng quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

Phóng viên: *Thưa Phó Thủ tướng, trước thềm Đại hội XIV của Đảng, cũng là thời điểm lịch sử, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đã đề ra, Chính phủ sẽ ưu tiên tập trung vào những đột phá chiến lược và giải pháp điều hành trọng tâm nào trong giai đoạn tới?*

Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình: Hướng tới Đại hội XIV và tầm nhìn đến năm 2030 - kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, và năm 2045 - kỷ niệm 100 năm thành lập nước, Chính phủ xác định 10 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, tăng tốc phát triển kinh tế bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho kỷ nguyên mới. Tập trung mọi nguồn lực, tháo gỡ mọi rào cản để phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hai con số mỗi năm. Làm mới các động lực tăng trưởng cũ và khai thác triệt để các động lực mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn), lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng và hoàn thiện thể chế, coi đây là đột phá của đột phá. Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng luật để kiến tạo phát triển, giải phóng nguồn lực sản xuất. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo tinh thần địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, Trung ương tập trung kiến tạo, giám sát và kiểm tra. Xóa bỏ ngay các quy định chồng chéo, giấy phép con, cơ chế xin - cho đang kìm hãm nguồn lực; dứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm.

Thứ ba, đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng Chính phủ số toàn diện, phi giấy tờ. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, triển khai mạnh mẽ thị trường tín chỉ carbon. Tăng cường đầu tư cho các động lực tăng trưởng mới như AI, chip, bán dẫn, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân. Hiện đại hóa lưới điện thông minh, phát triển mạnh năng lượng tái tạo và điện khí, điện gió ngoài khơi, đảm bảo tuyệt đối an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ cho tăng trưởng cao.

Thứ tư, tập trung đầu tư và hoàn thành, đưa vào sử dụng các dự án hạ tầng kết nối vùng, khu vực. Tập trung nguồn lực để khởi công tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Sớm hoàn thành và đưa vào khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Nghiên cứu và khởi động lại chương trình điện hạt nhân để đảm bảo nền tảng năng lượng sạch, ổn định cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ năm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là quốc sách hàng đầu. Thúc đẩy mô hình nghiên cứu và phát triển (R&D). Xây dựng các trung tâm dữ liệu, các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia tầm cỡ khu vực. Nghiên cứu cơ chế đặc thù, vượt trội, thu hút và giữ chân các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đến Việt Nam. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao.

Thứ sáu, đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chủ động chuẩn bị nhân lực để làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực năng lượng hạt nhân, đường sắt tốc độ cao, kinh tế số, trung tâm tài chính quốc tế, công nghiệp bán dẫn, AI trong thời gian ngắn nhất. Đồng thời, thực hiện chính sách thu hút người tài thực chất, có chế độ đãi ngộ vượt trội để thu hút và giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các nhân tài người Việt ở nước ngoài về cống hiến cho Tổ quốc.

Thứ bảy, tiếp tục tinh gọn bộ máy và cải cách hành chính. Tiếp tục rà soát để giảm đầu mối bên trong các bộ, ngành, địa phương; thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ những nhiều, né tránh, sợ trách nhiệm, thay thế bằng những người dám nghĩ, dám làm.

Thứ tám, coi phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, phát triển toàn diện văn hóa và con người Việt Nam. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng văn hóa. Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm bản sắc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới. Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, biến văn hóa thành sức mạnh nội sinh và nguồn lực kinh tế quan trọng.

Thứ chín, phát triển xã hội bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện lộ trình miễn học phí cho học sinh phổ thông và phân đầu miễn viện phí ở mức cơ bản cho toàn dân theo lộ trình. Đẩy mạnh, sớm hoàn thành đề án 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội, để người lao động có nơi an cư lạc nghiệp. Xây dựng lưới an sinh bao phủ toàn dân, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong hành trình phát triển đất nước. Chủ động các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai; khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường, ngập lụt, sạt lở...

Thứ mười, nâng tầm đối ngoại và củng cố quốc phòng - an ninh. Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, biến các cam kết quốc tế thành lợi ích kinh tế cụ thể. Xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh, tiên tiến lên hiện đại, tự lực, tự chủ, lưỡng dụng. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị để phát triển kinh tế, đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐẶT NỀN MÓNG CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC PHÁP CHẾ NHÀ NƯỚC

Sau một thập kỷ triển khai, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đã từng bước khẳng định vai trò là nền tảng trung tâm trong quản lý, tra cứu và tổ chức thực thi pháp luật.

Một trong những dấu ấn nổi bật của cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong suốt 10 năm qua là sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chất lượng dữ liệu. Từ một hệ thống ban đầu còn nhiều hạn chế, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đã từng bước trở thành nguồn dữ liệu pháp lý chính thống, đầy đủ và thống nhất trong phạm vi cả nước, phục vụ hàng triệu lượt tra cứu mỗi năm. Toàn bộ dữ liệu được chuẩn hóa theo cùng một cấu trúc, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ và thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng trong thực tiễn.

Theo Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp), cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đã từng bước hình thành nền tảng dữ liệu pháp lý thống nhất của quốc gia, góp phần quan trọng vào tiến trình hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và nâng cao hiệu quả quản lý bằng pháp luật.

Không chỉ dừng lại ở quy mô, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật cho thấy hiệu quả rõ nét trong tổ chức vận hành và duy trì kỷ cương cập nhật dữ liệu. Tỷ lệ văn bản được cập nhật

đúng thời hạn của các bộ, ngành, địa phương hiện đạt hơn 90%, trong đó, nhiều đơn vị duy trì tỷ lệ gần như tuyệt đối. Việc rà soát, công bố danh mục văn bản hết hiệu lực hoặc ngưng hiệu lực được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều bộ, ngành và địa phương như Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế đã chủ động phát triển các công cụ tra cứu tích hợp, cho phép người dùng tìm kiếm văn bản của cả trung ương và địa phương trên cùng một nền tảng, qua đó nâng cao đáng kể hiệu quả tiếp cận thông tin pháp luật.

Đặc biệt, hệ thống dữ liệu pháp luật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng đã đáp ứng kịp thời yêu cầu nghiên cứu, áp dụng pháp luật trong toàn quân, hình thành kho dữ liệu số tập trung, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ huy.

Tuy nhiên, những hạn chế về hạ tầng, nhân lực và cơ chế phối hợp cho thấy cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật vẫn cần được đầu tư, củng cố và hoàn thiện đồng bộ hơn để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Sau sáp nhập hành chính, quy mô địa giới và khối lượng văn bản thay đổi nhanh, dẫn đến nhu cầu cấp thiết phải chuẩn hóa lại phạm vi hiệu lực, danh mục văn bản, đồng thời tích hợp sâu hơn với các nền tảng dữ liệu quốc gia khác.

Theo các chuyên gia, trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc hiện đại hóa hạ tầng công nghệ được xác định là yêu cầu mang tính then chốt. Do đó, cần tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm hỗ trợ tự động hóa quy trình phân loại, kiểm tra và rà soát văn bản. Đây được xem là hướng đi chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, giảm tải áp lực thủ công, nâng cao chất lượng khai thác và sử dụng dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

Bên cạnh yếu tố công nghệ, vấn đề nguồn lực tiếp tục được xác định là điều kiện tiên quyết cho sự vận hành bền vững của hệ thống. Do đó, cần có cơ chế bảo đảm kinh phí ổn định, phù hợp cho công tác cập nhật, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Cùng với đó, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quản trị dữ liệu pháp luật.

Đặc biệt, việc đẩy mạnh kết nối, liên thông giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với các hệ thống thông tin của Chính phủ, bộ, ngành và địa phương được xác định là hướng đi tất yếu, góp phần hình thành một hệ sinh thái dữ liệu pháp lý thống nhất, thông suốt và tin cậy.

Từ yêu cầu nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, lãnh đạo Bộ Tư pháp nhấn mạnh, cần triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Nghị định số 52 trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, đề nghị tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52 nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo thuận lợi cho hoạt động của cơ sở dữ liệu quốc

gia về pháp luật; đầu tư nâng cấp công nghệ thông tin, ứng dụng AI, nhằm khai thác một cách thuận lợi công năng của cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: baohinhphu.vn

40 NĂM ĐỔI MỚI: THÀNH TỰU, BÀI HỌC VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN

Thành công của 40 năm Đổi mới đất nước là kỳ tích mang tầm thời đại, kiến tạo một cơ đồ vững chắc đầy năng lượng để Việt Nam tự tin bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

40 năm Đổi mới là một hành trình đầy thử thách nhưng rất đỗi tự hào của dân tộc Việt Nam. Từ một nền kinh tế kém phát triển, đất nước đã từng bước vươn lên, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên nhiều lĩnh vực, hội nhập sâu rộng với thế giới. Thực tiễn sinh động của chặng đường 40 năm ấy khẳng định tính đúng đắn của đường lối Đổi mới, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, có giá trị định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Phóng viên Báo Điện tử Tiếng nói Việt Nam trò chuyện với GS.TS Vũ Văn Hiền, nguyên Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương về chủ đề này.

Phóng viên: Thưa GS.TS Vũ Văn Hiền, nhìn lại từ năm 1986 đến nay, sau 40 năm Đổi mới, ông thấy đất nước ta đã có những thành quả, chuyển biến nổi bật nào?

GS.TS Vũ Văn Hiền: Sau 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội vượt bậc, được cộng đồng quốc tế ghi nhận như một “phép màu châu Á”. Những kết quả này không chỉ thể hiện qua các con số tăng trưởng, mà còn phản ánh sự thay đổi sâu sắc trong đời sống người dân, trong cấu trúc xã hội và vị thế quốc gia.

Từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới. GDP bình quân đầu người tăng từ khoảng trên 100USD (năm 1986) lên khoảng 5.000USD (năm 2025), gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ hơn 40% xuống dưới 15% GDP, trong khi công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn.

Việt Nam từ một nền kinh tế đóng cửa đã trở thành một quốc gia xuất khẩu lớn. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 đạt khoảng 900 tỷ USD, tăng gấp hàng chục lần so với năm 1990. Việt Nam là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP,

EVFTA, RCEP, là điểm đến hấp dẫn cho các tập đoàn đa quốc gia. Các khu công nghiệp, khu chế xuất phát triển mạnh.

FDI đóng góp lớn vào công nghiệp hóa, tạo việc làm và chuyển giao công nghệ. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện rõ rệt. Mạng lưới đường cao tốc, cảng biển, sân bay, viễn thông phát triển mạnh. Tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 19% (năm 1986) lên 45% (năm 2025). Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân khoảng 6,3%/năm, thuộc nhóm nước tăng trưởng cao trên thế giới. Quy mô GDP năm 2025 đạt khoảng 510 tỷ USD, xếp thứ 32 trên thế giới.

Phóng viên: Theo ông, dấu mốc lớn nhất, căn bản nhất của công cuộc Đổi mới là gì?

GS.TS Vũ Văn Hiền: Một trong những thành tựu nổi bật nhất của 40 năm Đổi mới là giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ hơn 58% vào đầu thập niên 1990 xuống còn 1,1% vào năm 2025. Việt Nam được Liên Hợp Quốc đánh giá là một trong những quốc gia thành công nhất trong việc xóa đói giảm nghèo. Chất lượng sống của người dân được cải thiện rõ rệt: tỷ lệ tiếp cận điện, nước sạch, dịch vụ y tế và giáo dục tăng mạnh; chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện, xếp vào nhóm trung bình cao của thế giới.

Đến tháng 9/2025, hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước. Đây là một biểu hiện tính nhân văn cao đẹp của nước ta. Tuổi thọ trung bình tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên hơn 74 tuổi năm 2025, phản ánh sự tiến bộ vượt bậc trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên đầu tư và cải cách mạnh mẽ. Việt Nam đã phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở trên toàn quốc, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục đại học và đào tạo nghề. Học sinh Việt Nam đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc tế như PISA, Olympic Toán, Lý, Hóa.

Việt Nam cũng đạt nhiều tiến bộ trong bảo vệ quyền con người và thúc đẩy bình đẳng giới. Phụ nữ chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động và giữ nhiều vị trí lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

Quyền trẻ em, người khuyết tật, người yếu thế được bảo vệ tốt hơn thông qua các chính sách an sinh xã hội, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ đặc thù. Việt Nam tham gia nhiều công ước quốc tế về quyền con người và thực hiện nghiêm túc các cam kết, góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.

Tầm vóc và uy tín quốc tế của đất nước ngày càng cao. Việt Nam là nước có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các siêu cường thế giới, từ Mỹ, Nga, Trung Quốc, Pháp, Ấn Độ, Nhật Bản,...

Cùng với ngoại giao thì quốc phòng an ninh cũng được củng cố, tăng cường mạnh mẽ. Việt Nam là một trong những nước có nền an ninh, trật tự, an toàn xã hội rất tốt và ổn định. Trong tình hình thế giới hiện rất phức tạp, chúng ta lường được những khó khăn, nhận biết được thách thức, có những giải pháp đề tháo gỡ, hóa giải, đảm bảo an ninh đất nước. Từng bước một, chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Phóng viên: *Những cải cách về thể chế, chính sách đóng vai trò ra sao trong thành công của công cuộc Đổi mới, thưa ông?*

GS.TS Vũ Văn Hiền: Sau khi xác lập đường lối đổi mới, Việt Nam bước vào giai đoạn thử nghiệm và từng bước điều chỉnh chính sách. Một trong những chính sách đột phá đầu tiên là Khoán 10 trong nông nghiệp (1988), chính thức hóa việc giao đất và sản phẩm cho hộ gia đình. Chính sách này đã giải phóng sức sản xuất, khơi dậy động lực của người nông dân, đưa Việt Nam từ nước thiếu lương thực trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Tiếp đó, Luật Đầu tư nước ngoài (1987) ra đời, mở cửa nền kinh tế với thế giới. Đây là bước đi táo bạo trong bối cảnh Việt Nam vẫn đang bị cấm vận. Luật này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và xuất khẩu.

Cùng với đó, cải cách doanh nghiệp nhà nước được triển khai mạnh mẽ. Hàng loạt doanh nghiệp được cổ phần hóa, tái cơ cấu, chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhưng không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Một đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới là sự linh hoạt trong chính sách, luôn điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn. Chính phủ từng bước thị trường hóa giá cả, xóa bỏ cơ chế bao cấp, để giá cả vận hành theo cung cầu. Điều này giúp khơi thông lưu thông hàng hóa, giảm méo mó thị trường và kích thích sản xuất. Cải cách thuế và tài chính cũng được thực hiện đồng bộ. Hệ thống thuế hiện đại, minh bạch được xây dựng, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước.

Chính sách tài khóa và tiền tệ được điều hành linh hoạt, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Đặc biệt, khu vực kinh tế tư nhân được thừa nhận và khuyến khích phát triển. Từ chỗ bị xem là “phi chính thống”, kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của tăng trưởng. Hàng triệu hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ ra đời đóng góp lớn vào GDP và tạo nhiều việc làm.

Chính phủ từng bước cải cách hành chính, tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu quả điều hành. Các quy trình thủ tục được số hóa, minh bạch hóa, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Trên bình diện quốc tế, Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu. Việc gia nhập ASEAN (1995), ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là WTO (2007), CPTPP, EVFTA... đã mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong những năm gần đây, Việt Nam bắt đầu chuyển sang kinh tế số và đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp công nghệ phát triển mạnh mẽ, tạo nền tảng cho nền kinh tế tri thức trong tương lai.

Phóng viên: *Thưa GS.TS Vũ Văn Hiền, vai trò của Đảng trong lãnh đạo công cuộc Đổi mới được thể hiện như thế nào qua thực tiễn 40 năm qua?*

GS.TS Vũ Văn Hiền: Công cuộc đổi mới của đất nước ta thành công là do có sự lãnh đạo của Đảng. Đảng ta đã mở lối dẫn đường cho đất nước phát triển. Những chủ trương, chính sách, đường lối đều là trí tuệ của Đảng gắn với với nguyện vọng, đòi hỏi của nhân dân, của cuộc sống. Đảng biết khơi nguồn những giá trị của Việt Nam, khơi dậy được trí tuệ, nhân

cách, bản lĩnh Việt Nam. Vì thế, sự phát triển mang tính đồng bộ, xã hội phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện. Đây là những bài học rất sâu sắc. Mỗi bước phát triển là mỗi bước mang lại đời sống tốt đẹp và hạnh phúc cho nhân dân. Đặc biệt, trong quá trình đổi mới, phải có bản lĩnh giữ được độc lập dân tộc, tự chủ và sáng tạo.

Phóng viên: *Vậy theo ông, sau 40 năm Đổi mới, chúng ta rút ra được những bài học kinh nghiệm nào?*

GS.TS Vũ Văn Hiền: Thứ nhất, luôn luôn tự tin vào sức mình. Thứ hai, phải làm chủ được những điều kiện của mình. Thứ ba, phải biết mình, biết người, biết được những điều cần khắc phục và đưa ra được cách giải quyết những vấn đề đặt ra để vươn tới, theo kịp thời đại; đồng thời, việc nào mình làm được rồi thì phải tiếp tục giữ được thành quả ấy và có những giải pháp thích hợp cho sự phát triển lâu dài, bền vững.

Trong kỷ nguyên mới, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, đầu tư vào con người và hội nhập sâu rộng để hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Đó không chỉ là mục tiêu kinh tế, mà còn là lý tưởng xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, vận minh - nơi mỗi người dân đều được sống trong tự do, hạnh phúc và phát triển toàn diện.

Việc xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R&D), hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ là động lực mới cho tăng trưởng. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, doanh nghiệp, giáo dục, y tế... sẽ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị mới. Phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật là xu thế tất yếu. Xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số không chỉ là mục tiêu mà còn là phương thức để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Việc chuyển sang mô hình phát triển xanh là xu thế toàn cầu mà Việt Nam cần nắm bắt. Thúc đẩy năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ, giao thông xanh sẽ giúp giảm phát thải, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống. Bảo vệ đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên hiệu quả cũng là những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia.

Con người là trung tâm của phát triển. Việt Nam tiếp tục xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phát triển kỹ năng số, kỹ năng mềm cho lực lượng lao động, đổi mới phương pháp giảng dạy, kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực. Nâng cao chất lượng y tế, an sinh xã hội, chăm sóc người cao tuổi là những yếu tố không thể thiếu trong một xã hội phát triển toàn diện.

Việt Nam chủ động tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Việc tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới không chỉ là cơ hội mà còn là động lực cải cách thể chế. Thúc đẩy ngoại giao và hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, quốc phòng, an ninh sẽ giúp nâng tầm vị thế quốc gia. Góp phần xây dựng hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững trong khu vực và thế giới là trách nhiệm và cơ hội của Việt Nam đang vươn lên mạnh mẽ.

Phóng viên: Thưa GS.TS Vũ Văn Hiền, ông kỳ vọng gì vào chặng đường phát triển của đất nước trong thời gian tới?

GS.TS Vũ Văn Hiền: Khát vọng vươn lên trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 là hoàn toàn khả thi vì Việt Nam tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nâng cao năng lực nội sinh, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập quốc tế và chuyển đổi công nghệ. Những yếu tố về thiên thời, địa lợi, nhân hòa đều có, tôi tin là đất nước sẽ có những cơ hội để phát triển và nhất định sẽ phát triển tốt đẹp hơn trước. Thành công của 40 năm Đổi mới là kỳ tích mang tầm thời đại, kiến tạo một cơ đồ vững chắc đầy năng lượng để Việt Nam tự tin bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nguồn: vov.vn

MỌI NGƯỜI DÂN SẼ ĐƯỢC THIẾT LẬP HỒ SƠ HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ CÁ NHÂN

Trong xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ ở các ngành, các cấp, các lĩnh vực hiện nay, hoạt động hành chính, tư pháp cũng có nhiều biến chuyển tạo ra hiệu quả tích cực, đem lại lợi ích thiết thực cho người dân. Một trong số đó là công tác quản lý nhà nước về hộ tịch trên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Mới đây, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng đã ký Quyết định số 2836/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu tổng quát là tất cả sự kiện hộ tịch đều được đăng ký, quản lý trên môi trường điện tử; dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đầy đủ, chính xác, thống nhất, cập nhật kịp thời, kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả.

Mọi người dân sẽ được thiết lập hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân, được cấp giấy tờ hộ tịch hợp lệ (bản điện tử, bản giấy) nhất là giấy khai sinh có đầy đủ, thống nhất nội dung, phù hợp thông lệ quốc tế; thúc đẩy mức độ ủng hộ, khai thác, sử dụng của xã hội đối với giấy tờ, dữ liệu điện tử, đăng ký trực tuyến, sử dụng số định danh cá nhân, ứng dụng định danh điện tử quốc gia-VNeID. Chương trình đặt mục tiêu đến năm 2030, tạo lập bản điện tử Giấy khai sinh cho toàn bộ công dân Việt Nam đã đăng ký khai sinh từ ngày 01/01/2016 trở về trước và còn sống tại thời điểm tạo lập.

Một trong các nội dung của Chương trình là nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Hộ tịch và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Bộ Tư pháp đang trong quá trình lấy ý kiến vào dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi). Phó Cục trưởng Hành chính tư pháp (Bộ Tư pháp) Nhâm Ngọc Hiền cho biết: Mục tiêu quan trọng trong lần sửa đổi Luật Hộ tịch để thay thế Luật Hộ tịch năm 2014 là phát triển và hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, đồng bộ, phục vụ quản lý hiện đại.

Vấn đề quan trọng khác là tiếp tục cải cách hành chính lĩnh vực hộ tịch gắn với chuyển đổi số, hiện đại hóa phương thức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

Dự thảo sửa đổi cho phép năm sự kiện hộ tịch quan trọng gồm: khai sinh; kết hôn; đăng ký giám hộ; nhận cha, mẹ, con và khai tử được thực hiện phi địa giới trong phạm vi một tỉnh. Các sự kiện hộ tịch khác như: thay đổi thông tin hộ tịch, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch, cấp trích lục hộ tịch được thực hiện phi địa giới hành chính trên phạm vi toàn quốc, người dân có thể đến một cơ quan đăng ký hộ tịch cấp xã bất kỳ để giải quyết.

Đáng chú ý, dự thảo Luật còn bổ sung quy định về đăng ký khai sinh và đăng ký khai tử có tính chủ động, tự động để người dân lựa chọn. Cụ thể, đối với việc đăng ký khai tử, trường hợp qua đời tại cơ sở y tế, đã được cấp giấy báo tử và có dữ liệu điện tử thì dữ liệu đó sẽ được chuyển cho cơ quan đăng ký hộ tịch để đăng ký khai tử mà không cần yêu cầu người dân phải thực hiện.

Về đăng ký khai sinh, các cơ sở y tế thực hiện dịch vụ sinh đẻ phải có lộ trình xây dựng các trường thông tin bắt buộc, bảo đảm đồng bộ, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu về hộ tịch trong khoảng thời gian nhất định. Khi cha hoặc mẹ của trẻ đã cung cấp đủ các dữ liệu về tên, dân tộc... của con cho cơ sở y tế thì dữ liệu của cơ sở y tế sẽ được chuyển cho cơ quan hộ tịch để đăng ký khai sinh.

Để thực hiện các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030 cũng như những quy định mới trong dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi), cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đóng vai trò rất quan trọng. Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Vũ Văn Tấn khẳng định, dữ liệu hộ tịch còn là dữ liệu xuyên biên giới, cần thiết được tập trung nâng cấp, đầu tư.

Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026-2030 yêu cầu nâng cấp, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thành Cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, phù hợp vai trò, vị trí thực tế của Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, tăng cường hiệu quả kết nối, chia sẻ dữ liệu hộ tịch...

Đại diện một số cơ quan, trong đó có Bộ Công an, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung vào dự thảo quy định giá trị pháp lý của hộ tịch điện tử, bổ sung quy định cho phép thông tin trên hộ tịch điện tử thay thế bản giấy (giấy khai sinh, giấy chứng tử...); cụ thể hóa các nội dung trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, quy định trường thông tin nào được chia sẻ từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sang cơ sở dữ liệu về hộ tịch; quy định rõ trình tự, thủ tục tiếp nhận trực tuyến ở Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Thứ trưởng Tư pháp Phan Chí Hiếu chỉ rõ, khi hoàn thiện dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi), đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, đồng bộ, cần làm rõ các trường thông tin, cơ chế kết nối, đồng bộ giữa cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm tính kỹ thuật và khả năng liên thông.

Nguồn: nhandan.vn

CHÍNH PHỦ GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 12/01/2026, Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 07/NQ-CP về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Phát triển nhà ở xã hội cho người dân đã được Đảng, Nhà nước xác định là quyết tâm chính trị, là nhiệm vụ quan trọng của Đảng và cả hệ thống chính trị, thể hiện đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ ta; là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của Đất nước. Đây vừa là vấn đề an sinh xã hội, đồng thời cũng là một động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng đầu tư, tiêu dùng, bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội.

Trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo và triển khai nhiều nhiệm vụ: Ban hành 22 nghị quyết, 12 chỉ thị, quyết định, công điện về phát triển nhà ở xã hội; Thủ tướng Chính phủ cũng đã chủ trì các Hội nghị toàn quốc để triển khai thực hiện phát triển nhà ở xã hội... với nhiều giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, quyết liệt nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội.

Ngay từ đầu năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 về việc giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến năm 2030 cho các bộ ngành, địa phương để triển khai thực hiện.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc của các bộ, ngành và chính quyền địa phương, tình hình phát triển nhà ở xã hội đã có nhiều chuyển biến: nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư xây dựng, cải cách thủ tục hành chính đã được ban hành, các địa phương đã bước đầu quan tâm, thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn, nhiều đoàn công tác đã được tổ chức để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện...

Lũy kế đến hết tháng 12/2025, cả nước có 698 dự án nhà ở xã hội đang được triển khai với quy mô 657.441 căn, trong đó: 193 dự án hoàn thành, quy mô 169.143 căn; 200 dự án đã khởi công xây dựng, đang triển khai với quy mô 134.111 căn (trong đó năm 2025 khởi công mới 90 dự án với quy mô 95.630 căn, đã hoàn thành 102.633/100.275 căn (đạt 102%)); 305 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, quy mô 354.187 căn.

Như vậy, số lượng dự án đã hoàn thành, khởi công, chấp thuận chủ trương đầu tư đến năm 2025 đạt 62% so với chỉ tiêu đã đặt ra tại Đề án (đầu tư xây dựng khoảng 1.062.200 căn). Mặc dù công tác phát triển nhà ở xã hội đã có kết quả tiến bộ trong thời gian qua nhưng để đạt được mục tiêu của Đề án đến năm 2030 hoàn thành đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội, nhiệm vụ còn rất nặng nề với khối lượng công việc lớn.

Đến năm 2030, xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp

Do vậy, để hoàn thành mục tiêu của cả Đề án, Chính phủ thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương phát triển nhà ở xã hội là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh và ổn định đời sống nhân dân. Huy động nguồn lực xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản lớn, có năng lực, kinh nghiệm, trách nhiệm xã hội, “có tâm, có tầm”, đồng thời lựa chọn các địa phương lớn, có nhu cầu nhà ở xã hội cao để thực hiện.

Đến năm 2030, phải hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu đề ra đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

Các địa phương căn cứ chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội được giao nêu trên, thực hiện hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu để góp phần hoàn thành mục tiêu chung của cả nước.

Chính phủ giao Bộ Xây dựng theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả triển khai của các địa phương, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội theo từng năm được giao tại Nghị quyết này vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm để triển khai thực hiện. Đối với các dự án đã khởi công xây dựng, phải đôn đốc các chủ đầu tư dự án tập trung nguồn lực để thực hiện, quyết tâm hoàn thành trong năm 2026. Tổ chức lập, phê duyệt danh mục vị trí khu đất đã được xác định để phát triển nhà ở xã hội, các dự án nhà ở xã hội; bố trí đủ quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại các vị trí thuận lợi, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Các bộ, ngành có liên quan và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện phát triển nhà ở xã hội. Tăng cường hoạt động giám sát của cộng đồng để các công trình, dự án được thực hiện đúng quy hoạch, thiết kế, đảm bảo chất lượng, tránh thất thoát, lãng phí.

Nguồn: baochinhphu.vn

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN

Chính phủ ban hành Nghị định số 03/2026/NĐ-CP quy định tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Theo Nghị định, quỹ xã hội là tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện góp một phần tài sản để thành lập hoặc thành lập thông qua di chúc, hiến, tặng cho tài sản; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; tổ chức, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường, an sinh xã hội và cộng đồng.

Quỹ từ thiện là tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện góp một phần tài sản để thành lập hoặc thành lập thông qua di chúc, hiến, tặng cho tài sản; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; tổ chức, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm mục đích từ thiện, nhân đạo; hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn, yếu thế cần sự trợ giúp của xã hội.

Quỹ xã hội, quỹ từ thiện (quỹ) được tổ chức, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm mục đích hỗ trợ, khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, nông nghiệp, nông thôn; bảo vệ tài nguyên và môi trường; cộng đồng, từ thiện, nhân đạo, an sinh xã hội; hỗ trợ các đối tượng thuộc diện khó khăn, yếu thế cần sự trợ giúp của xã hội; hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh theo quy định pháp luật.

Điều kiện cấp giấy phép thành lập quỹ

Quỹ được cấp giấy phép thành lập khi đảm bảo đủ các điều kiện sau đây:

- 1- Mục đích, lĩnh vực hoạt động theo quy định ở trên;
- 2- Sáng lập viên thành lập quỹ, Ban sáng lập quỹ theo quy định;
- 3- Ban sáng lập quỹ có đủ số tài sản đóng góp để thành lập quỹ theo quy định;
- 4- Hồ sơ thành lập quỹ theo quy định.

Nghị định quy định cá nhân, tổ chức nước ngoài được góp tài sản cùng công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ ở Việt Nam.

Điều kiện đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài: Phải có cam kết nộp thuế và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài sản đóng góp; cam kết thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và mục đích hoạt động của quỹ; có tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định.

Tài sản đóng góp thành lập quỹ của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được vượt quá 50% tổng số tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định.

Điều kiện để quỹ được hoạt động

Quỹ được hoạt động khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- 1- Có giấy phép thành lập và công nhận điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- 2- Đã công bố về việc thành lập quỹ theo quy định;
- 3- Có văn bản xác nhận của ngân hàng nơi quỹ đăng ký mở tài khoản về số tiền mà từng sáng lập viên cam kết đóng góp để thành lập quỹ đã có đủ trong tài khoản của quỹ. Đối với tài sản khác, đã thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định.
- 4- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ.

Phạm vi hoạt động của quỹ

Phạm vi hoạt động của quỹ (theo địa giới hành chính) gồm:

- Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

- Quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh).
- Quỹ hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu (xã).

Các hành vi bị nghiêm cấm

Nghị định nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập và tổ chức, hoạt động của quỹ để thực hiện các hành vi sau:

1- Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của quỹ, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, khối đại đoàn kết dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2- Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống, bản sắc dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

3- Tư lợi, gian dối, thực hiện, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, lập chứng từ không đúng thực tế hoặc thông đồng với tổ chức, cá nhân nhằm trốn thuế, gian lận thuế hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán trong quá trình thành lập, hoạt động của quỹ.

4- Rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.

5- Làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy phép thành lập quỹ dưới bất kỳ hình thức nào.

6- Nhận tiền gửi, cho vay, góp vốn đầu tư.

7- Sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng hoặc hỗ trợ tài sản được ngân sách nhà nước giao hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để tham gia góp tài sản thành lập quỹ.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin

SỬA ĐỔI 26 NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của 26 Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Cụ thể, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 26 Nghị định: 87/2009/NĐ-CP; 62/2016/NĐ-CP; 06/2021/NĐ-CP; 175/2024/NĐ-CP; 58/2017/NĐ-CP; 70/2016/NĐ-CP; 78/2016/NĐ-CP; 160/2016/NĐ-CP; 171/2016/NĐ-CP; 05/2017/NĐ-CP, 29/2017/NĐ-CP; 37/2017/NĐ-CP; 143/2017/NĐ-CP; 16/2018/NĐ-CP; 82/2019/NĐ-CP; 76/2021/NĐ-CP; 57/2024/NĐ-CP; 111/2016/NĐ-CP; 60/2023/NĐ-CP; 116/2017/NĐ-CP; 85/2020/NĐ-CP; 30/2013/NĐ-CP; 96/2021/NĐ-CP; 125/2015/NĐ-CP; 05/2021/NĐ-CP; 92/2016/NĐ-CP.

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định theo hướng cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; chuyển một số thành phần hồ sơ phải nộp từ bản giấy sang bản điện tử; bổ sung phương thức nộp hồ sơ; phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; bãi bỏ hoặc sửa đổi điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không hợp pháp được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận...

Sửa đổi điều kiện đối với tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Cụ thể, đối với Nghị định 62/2016/NĐ-CP về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP), Nghị định số 14/2026/NĐ-CP đã điều chỉnh phạm vi và đối tượng áp dụng; sửa đổi về điều kiện đối với tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và quy định về phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và trạm thí nghiệm hiện trường; đồng thời bổ sung thêm quy định về công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Theo quy định mới, tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Nghị định này là tổ chức kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng đáp ứng các điều kiện năng lực.

Điều kiện năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bao gồm:

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm tự công bố;
- Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với một trong các lĩnh vực thí nghiệm của tổ chức;
- Có thí nghiệm viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm.

Sửa đổi quy định về đóng bến cảng, cầu cảng

Đối với Nghị định số 58/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung về thủ tục công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi và công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng; sửa đổi quy định về đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước...

Nghị định quy định bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển được đóng khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước không còn tồn tại hoặc không đủ điều kiện hoạt động;
- b) Bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước hoạt động không hiệu quả;
- c) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc các lý do đặc biệt khác.

Chủ sở hữu thực hiện việc đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thuộc sở hữu của mình.

Trước khi dừng khai thác bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, chủ sở hữu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa (trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) quản lý tại khu vực để phục vụ công tác quản lý.

Sau khi đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, chủ đầu tư có trách nhiệm: Thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa (trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) quản lý tại khu vực về việc đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước (trong đó nêu rõ thời điểm đóng) và thực hiện việc tháo dỡ, thu hồi hoặc xử lý công trình và thiết bị gắn với công trình theo quy định.

Bỏ một số điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế

Nghị định số 160/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển quy định doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác xã (sau đây viết tắt là doanh nghiệp).

- Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển khi đáp ứng điều kiện quy định.

Ngoài điều kiện trên, doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế còn phải đáp ứng các điều kiện về: Tài chính (có bảo lãnh mức tối thiểu là 5 tỷ đồng Việt Nam); tàu thuyền; tổ chức bộ máy, nhân sự.

Nay, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP quy định cắt bỏ điều kiện kinh doanh về tàu thuyền, về tổ chức bộ máy, về nhân lực.

Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế phải đáp ứng các điều kiện sau: Doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác xã (sau đây viết tắt là doanh nghiệp); được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển khi đáp ứng điều kiện quy định.

Đồng thời, doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế còn phải có bảo lãnh theo quy định của pháp luật với mức tối thiểu là 05 tỷ đồng Việt Nam hoặc mua bảo hiểm để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên theo quy định.

Giảm thời gian và phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính

Đối với thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải tại Nghị định số 70/2016/NĐ-CP về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP quy định trình tự cấp Giấy phép như sau:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị theo quy định trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân

hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

Trường hợp nhận trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải trong trường hợp pháo hiệu hàng hải đã hết thời hạn sử dụng hoặc có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng.

Như vậy, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP đã bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 12 ngày xuống còn 09 ngày; phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2019/NĐ-CP theo hướng phân cấp thẩm quyền giải quyết 3 thủ tục hành chính (quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; quyết định dừng ngay và dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển) từ Cục Hàng hải Việt Nam về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể, đối với thủ tục quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra phù hợp của hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động. Trong thời hạn 03 ngày làm việc (quy định cũ 5 ngày) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

Đối với quyết định dừng ngay và dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp cơ sở phá dỡ tàu biển để xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trong các trường hợp sau trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Cơ sở phá dỡ tàu biển không đáp ứng điều kiện hoạt động; vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh; khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LƯU TRỮ DỰ PHÒNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

Ngày 12/01/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 12/01/2026 phê duyệt nhiệm vụ, giải pháp lưu trữ dự phòng tài liệu lưu trữ (sau đây gọi là nhiệm vụ). Thời gian thực hiện từ năm 2026 đến năm 2035.

Mục tiêu của nhiệm vụ nhằm tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hỏng thuộc Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Bảo đảm sự toàn vẹn, độ tin cậy, độ chính xác của thông tin so với tài liệu gốc và ổn định, lâu dài; khai thác thuận lợi tài liệu lưu trữ dự phòng trong trường hợp tài liệu lưu trữ gốc bị mất hoặc không sử dụng được; góp phần phát triển cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực lưu trữ.

Theo phê duyệt, lưu trữ dự phòng đối với các tài liệu lưu trữ sau:

1- Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.

2- Tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hỏng đang bảo quản tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh, bao gồm:

Tài liệu lưu trữ giấy và tài liệu lưu trữ trên vật mang tin khác có một trong các dấu hiệu sau đây: Nhạt màu, đổi màu, rách, thủng lỗ, mủn, giòn, mờ chữ nhưng vẫn còn khả năng đọc được thông tin.

Tài liệu lưu trữ điện tử có một trong các dấu hiệu sau đây: Công nghệ tạo lập tài liệu lạc hậu, có khả năng bị thay thế; tài liệu có nguy cơ không sử dụng được hoặc không xác thực được.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Quyết định đưa ra 08 nhiệm vụ và 05 giải pháp cụ thể sau:

Về nhiệm vụ, Quyết định yêu cầu:

1. Thống kê, lập danh mục tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hỏng thuộc diện cần lưu trữ dự phòng.

2. Nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn công nghệ, thiết bị để thực hiện lưu trữ dự phòng đáp ứng nguyên tắc của lưu trữ dự phòng, phù hợp với từng loại hình tài liệu lưu trữ gốc và sự phát triển của khoa học, công nghệ tại thời điểm tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng.

3. Đầu tư công nghệ, thiết bị để thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

4. Số hóa, tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng.

5. Xây dựng, hoàn thiện quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật số hóa, tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng; quy chế quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ dự phòng.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

Về giải pháp, Quyết định yêu cầu:

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ lưu trữ dự phòng tài liệu lưu trữ.

2. Lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu tạo lập, lưu trữ tài liệu lưu trữ dự phòng phù hợp với các loại hình tài liệu lưu trữ và xu hướng của thế giới.

3. Phối hợp với các tổ chức nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước khảo sát, đánh giá sự phù hợp của công nghệ, thiết bị thực hiện lưu trữ dự phòng với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

5. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ; sơ kết và tổng kết việc thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng; xây dựng quy chế quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ dự phòng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; thay thế Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 10/ 02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nhiệm vụ, giải pháp bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia, giai đoạn II.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin

TỶ LỆ CÔNG CHỨC XẾP NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH TẠI CÁC BỘ KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 50%

Chính phủ ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm công chức, trong đó quy định chi tiết về tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm.

Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm ở bộ

Nghị định 361/2025/NĐ-CP quy định tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm không áp dụng đối với vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý là Thứ trưởng và tương đương hoặc công chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên gia cao cấp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương:

a) Đối với Vụ và tương đương là tổ chức thực hiện chức năng tham mưu chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực: Tỷ lệ không vượt quá 40% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

b) Đối với Vụ và tương đương là tổ chức thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ: Tỷ lệ không vượt quá 30% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

c) Đối với Cục loại 1: Tỷ lệ không vượt quá 25% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

d) Đối với Cục loại 2: Tỷ lệ không vượt quá 35% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

đ) Đối với Văn phòng bộ: Tỷ lệ không vượt quá 20% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao.

3. Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương:

a) Đối với Vụ và tương đương là tổ chức thực hiện chức năng tham mưu chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực: Tỷ lệ không vượt quá 40% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

b) Đối với Vụ và tương đương là tổ chức tham mưu tổng hợp hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

c) Đối với Cục loại 1: Tỷ lệ không vượt quá 40% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

d) Đối với Cục loại 2: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

đ) Đối với Văn phòng bộ: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số biên chế của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao.

4. Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch cán sự và tương đương, ngạch nhân viên: Tỷ lệ còn lại đối với số lượng công chức còn lại của đơn vị quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm quyết định, điều chỉnh tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm trong từng cơ quan sử dụng công chức thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô quản lý, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ.

Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm ở cấp tỉnh và ở cấp xã

Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương:

- Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh: Tỷ lệ là 100%;

- Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là cấp phó người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số lượng cấp phó người đứng đầu của toàn bộ các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương:

- Đối với cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số biên chế công chức của từng cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh được cấp có thẩm quyền giao;

- Đối với cơ quan chuyên môn thuộc xã:

Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc xã: Tỷ lệ là 100%.

Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là cấp phó người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc xã: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số lượng cấp phó người đứng đầu của toàn bộ cơ quan chuyên môn thuộc xã theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch cán sự và tương đương, ngạch nhân viên: Tỷ lệ còn lại đối với số lượng công chức còn lại của cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc xã.

Nguồn: baochinhphu.vn

THAY ĐỔI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, CHUYÊN ĐỔI SỐ

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Sửa đổi, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu

Cụ thể, Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu tại Phụ lục I Danh mục các chỉ tiêu cụ thể tại Nghị quyết số 71/NQ-CP.

Trong đó, Nghị quyết số 11/NQ-CP lược bỏ chỉ tiêu “Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử” ra khỏi Danh mục các chỉ tiêu tại Phụ lục I. Đồng thời, sửa đổi, cập nhật 6 chỉ tiêu sau vào Phụ lục I.

Sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ

Ngoài ra, Nghị quyết số 11/NQ-CP cũng sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ tại Phụ lục II Danh mục các nhiệm vụ triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Theo sửa đổi, tháng 2/2026, Bộ Tài chính phối hợp các bộ, ngành liên quan hoàn thành, khai thác sử dụng Hệ thống cấp mã số bảo hiểm xã hội và Quản lý bảo hiểm y tế hộ gia đình;

Hệ thống quản lý thu và sổ thẻ (TST); Hệ thống xét duyệt chính sách (TCS); Hệ thống giám định bảo hiểm y tế.

Tháng 6/2026, hình thành một số Trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh (Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan).

Tháng 9/2026, một số địa phương được lựa chọn phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố lớn thuộc trung ương để quản lý, phát triển.

Tháng 12/2026, Bộ Tài chính phối hợp các bộ, ngành liên quan hoàn thành, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các bộ, ngành liên quan hoàn thành, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Cũng trong tháng 12/2026, Bộ Công an phối hợp Bộ Tư pháp hoàn thành, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; Bộ Công an phối hợp các bộ, ngành liên quan hoàn thành, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu Định danh địa điểm. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các bộ, ngành liên quan hoàn thành, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu Cơ quan báo chí; Cơ sở dữ liệu Sản phẩm quảng cáo; Cơ sở dữ liệu Thành tích thể thao; Cơ sở dữ liệu Phòng chống bạo lực gia đình.

Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan báo cáo kết quả việc xây dựng và triển khai các hoạt động kết nối thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học, các chuyên gia trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thời hạn hoàn thành là tháng 12/2026.

Các thành phố trực thuộc trung ương và một số tỉnh đủ điều kiện xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh. Đề án hoàn thành và triển khai trong tháng 6/2028...

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 14/01/2026.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Chỉ định ông Đỗ Thanh Thảo, Phó trưởng Ban Nội chính Thành ủy Cần Thơ tham gia Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Cần Thơ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Chỉ định ông Nguyễn Văn Thành, Phó chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025 tham gia Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Cần Thơ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 72/QĐ-TTg về việc điều động, bổ nhiệm ông Bùi Thế Duy, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giữ chức Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Quyết định số 81/QĐ-TTg về việc kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo Trung ương Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (Ban Chỉ đạo). Theo Quyết định, Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Hùng là Phó Trưởng ban.

- Quyết định số 86/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Đặng Thanh Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình.

* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Bà Hà Thị Nga, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ chức Phó Chủ tịch – Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Bà Bùi Huyền Mai – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hà Nội, giữ chức Phó Chủ tịch không chuyên trách Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* Ban Nội chính Trung ương

- Điều động, bổ nhiệm ông Tạ Văn Giang, Chánh Văn phòng giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Cơ quan nội chính.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Trường, Phó Vụ trưởng Vụ Theo dõi công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Thư ký Phó Trưởng ban Thường trực giữ chức Chánh Văn phòng.

*** Thành phố Hà Nội**

- Điều động, bổ nhiệm ông Cù Ngọc Trang, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Long, Phó Trưởng ban thường trực Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tú, Phó Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội, giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài chính.
- Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hiền, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Điều động, bổ nhiệm ông Trần Anh Tuấn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Anh, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thủ đô Hà Nội giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Điều động, bổ nhiệm ông Phan Văn Phúc, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Quân, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
- Điều động, bổ nhiệm ông Trương Hải Long, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Xây dựng.

*** Tỉnh Lâm Đồng**

- Điều động, bổ nhiệm ông Nghiêm Đình Hiếu, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng.
- Điều động, bổ nhiệm Ông Nguyễn Vĩnh Quảng, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng.
- Điều động, bổ nhiệm Ông Phan Sỹ Thống, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng.
- Điều động, bổ nhiệm Ông Nguyễn Mậu Hà, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Xuân Hương - Đà Lạt, giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Hồ Tuyền Lâm.
- Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Đinh Ngọc Nhân, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Quảng Tân giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Xuân Hương - Đà Lạt, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Trần Thị Vũ Loan, Phó Bí thư Đảng ủy phường Xuân Hương - Đà Lạt nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lâm Viên – Đà Lạt, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với ông Nguyễn Hoàng Phúc, Phó Bí thư Đảng ủy phường Lâm Viên – Đà Lạt, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

*** Tỉnh Vĩnh Long**

Bổ nhiệm ông Võ Văn Phú, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Ba Tri giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh Vĩnh Long.

*** Tỉnh Đồng Tháp**

Điều động, chỉ định 16 cán bộ tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư đảng ủy cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 và giới thiệu 15 cán bộ bầu chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Cụ thể như sau:

- Ông Lê Quốc Cường, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trung An được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Tho.

- Bà Nguyễn Thị Vinh Quang, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Tho được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Trung An;

- Ông Lê Chí Thanh, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước Tây được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Thanh Hòa.

- Ông Phạm Thanh Mộng, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thanh Hòa được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Phước Tây.

- Ông Nguyễn Ngọc Sơn, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Trung được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Long Định.

- Ông Ngô Đình Hải, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Định được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Bình Trung.

- Ông Nguyễn Công Thành, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã An Thạnh Thủy.

- Ông Cao Tấn Hiệu, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Thủy được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Tân Thuận Bình.

- Ông Nguyễn Xuân Nam, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hựu được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Phú Thành.

- Ông Hà Quang Chinh, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Thành được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Hựu.

- Ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Đông được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Tân Điền.

- Ông Nguyễn Tùng Chinh, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Điền được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Tân Đông.

- Ông Huỳnh Thanh Toàn, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Gia Thuận được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Tân Hòa.

- Ông Nguyễn Thanh Hùng, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Gia Thuận.

- Ông Nguyễn Thanh Việt Em, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thiện được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Cái Bè.

- Ông Lê Tấn Tường, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy xã Cái Bè được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư thường trực Đảng ủy xã Mỹ Thiện.

*** Thành phố Cần Thơ**

- Điều động, phân công bà Phạm Thị Phụng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030; phân công kiêm giữ chức Phó trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Cần Thơ; đồng thời bổ nhiệm bà Phạm Thị Phụng giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ.

- Ông Huỳnh Hoàng Mến, Thành ủy viên, quyền Tổng Biên tập Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ giữ chức Giám đốc Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn/vov.vn